

**BÁO CÁO**

**Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về “*Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*” gắn với sơ kết Kết luận số 50-KL/TW của Ban Bí thư (khóa XII)**

-----

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về *Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế* (sau đây viết tắt là *Nghị quyết số 20-NQ/TW*); căn cứ Công văn số 2543-CV/BTGTW, ngày 08/3/2022 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng báo cáo kết quả thực hiện như sau:

***Phần thứ nhất***

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 20-NQ/TW**

**I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện**

Sau khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 65-KH/TU, ngày 19/02/2013 triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW tại tỉnh. Trong đó, chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các cấp, các ngành xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện nghiêm túc với mục tiêu nâng cao trình độ phát triển khoa học và công nghệ (KH - CN) của tỉnh trên mức trung bình của cả nước, phục vụ hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; góp phần quan trọng để nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo hướng phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế.

Tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Kết luận số 50-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư đến đội ngũ cán bộ chủ chốt trong toàn tỉnh, đặc biệt là đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học và công nghệ nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền và tổ chức chính trị - xã hội đối với sự nghiệp phát triển KH - CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và đưa các nội dung, chỉ tiêu cụ thể về KH - CN vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đẩy mạnh việc tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân ứng dụng KH - CN vào sản xuất, kinh doanh trên lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ...; triển khai nghiên cứu và nhân rộng dự án khoa học - công nghệ phục vụ chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 145/KH-UBND, ngày 11/01/2017 thực hiện Kế hoạch số 65-KH/TU, ngày 19/02/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, phân công nhiệm vụ và lộ trình cụ thể để phát triển mạnh mẽ KH - CN trở thành động lực quan trọng phát triển kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế góp phần đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong từng lĩnh vực của nền kinh tế, đưa các tiến bộ phát triển của KH - CN vào phục vụ thiết thực và hiệu quả cho sản xuất, đời sống của người dân trên địa bàn tỉnh.

Thông qua việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Kết luận số 50-KL/TW, nhận thức của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vai trò, vị trí của KH - CN trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, các quan điểm và định hướng chiến lược phát triển KH - CN từng bước được nâng cao. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân cụ thể hoá mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong tham mưu triển khai thực hiện, góp phần to lớn vào việc đưa các nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động và các kế hoạch thực hiện về KH - CN vào cuộc sống. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển, đời sống người dân được nâng lên, mở rộng mối quan hệ hợp tác trong nhiều lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất kinh doanh; vận dụng sáng tạo và khẳng định vị trí, vai trò của KH - CN trong việc góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thực hiện các mục tiêu như: Giảm nghèo, bảo vệ môi trường, công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn...

Trong 10 năm qua, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành 01 Nghị quyết, 12 Kế hoạch, 07 Quyết định trong lĩnh vực KH - CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó có quy định về quản lý nhiệm vụ KH - CN tỉnh Lâm Đồng; định mức chi đối với nhiệm vụ KH - CN sử dụng ngân sách nhà nước tại tỉnh; các Đề án về hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở, phân cấp cho cơ quan quản lý trong xét duyệt, thẩm định nội dung, khoán kinh phí theo hướng cải tiến, đơn giản hoá trình tự, thủ tục,... từ đó thu hút và tạo điều kiện cho các tổ chức triển khai nhiệm vụ KH - CN.

*(Chi tiết kèm theo bảng phụ lục 1).*

## II. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW

### 1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, việc thể chế hóa các nội dung của Nghị quyết số 20-NQ/TW

Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các sở, ngành của tỉnh thường xuyên tuyên truyền về vai trò, vị trí của KH - CN trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển KH - CN trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; nội dung Nghị quyết số 20-NQ/TW, Kết luận số 50-KL/TW, Kế hoạch số 65-KH/TU, Kế hoạch số 101-KH/TU và các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành với các nội dung triển khai thực hiện cụ thể, được lồng ghép với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2012 - 2015, giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030<sup>(1)</sup>.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và hành động về phát triển KH - CN trong mọi ngành nghề, lĩnh vực; tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế, phương thức quản lý, tổ chức hoạt động KH - CN đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; nâng cao năng lực ứng dụng các thành tựu KH - CN trong nước và khu vực để phát triển các sản phẩm chủ lực có tính cạnh tranh cao của tỉnh; đẩy mạnh đầu tư, huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, phát triển tiềm lực KH - CN; phát triển thị trường công nghệ, doanh nghiệp KH - CN, các hoạt động dịch vụ KH - CN và đổi mới công nghệ; đẩy mạnh liên kết và mở rộng hợp tác quốc tế về KH - CN có trọng tâm, trọng điểm, theo lĩnh vực ưu tiên.

Công tác tuyên truyền được thực hiện bằng nhiều hình thức như: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt, hội nghị tập huấn, tuyên truyền trong các buổi sinh hoạt chính trị thường kỳ của các tổ chức hội, cơ quan, các câu lạc bộ, tổ hợp tác, hợp tác xã; triển khai tốt hội thi, cuộc thi sáng tạo kỹ thuật; áp dụng có hiệu quả tiến bộ KH - CN vào phục vụ thực tiễn sản xuất, đời sống, nhất là những yêu cầu cấp thiết đang đặt ra trong sản xuất, kinh doanh, bảo vệ môi trường; tổ chức các phong trào lao động sáng tạo, áp dụng có hiệu quả những tiến bộ KH - CN vào phục vụ sản xuất, đời sống; tham quan thực tiễn các mô hình. Đồng thời, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Lâm Đồng và các cơ quan báo, đài khác trong và ngoài tỉnh thông tin kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về KH - CN; thông tin trên website, các Bản tin KH - CN (*phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, phục vụ phát triển doanh nghiệp*), Bản tin năng suất chất lượng... được phát hành

---

<sup>1</sup> Cụ thể như: xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghệ cao (CNC), nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; nâng cao giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu... Thúc đẩy ứng dụng sâu rộng KH - CN, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý nông nghiệp và đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài; nâng cao thu nhập và đời sống nông dân.

định kỳ hàng tháng<sup>(2)</sup>. Trong đó, tập trung tuyên truyền các mô hình hay, cách làm sáng tạo, những sáng kiến, kinh nghiệm trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh tế cao để làm cơ sở nhân rộng.

Thông qua công tác tuyên truyền cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nhận thức rõ ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của KH - CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần nâng cao dân trí, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đưa nội dung Nghị quyết 20-NQ/TW đi vào cuộc sống.

## **2. Đánh giá những kết quả đạt được theo các mục tiêu đã được đề ra trong Nghị quyết số 20-NQ/TW**

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW, hoạt động KH - CN đạt được những kết quả nhất định, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các cấp ủy, chính quyền luôn quan tâm đến hoạt động KH - CN, khuyến khích các ngành, lĩnh vực, các tổ chức, cá nhân, các tầng lớp nhân dân tích cực, chủ động đổi mới công nghệ, ứng dụng những thành tựu KH - CN vào sản xuất, kinh doanh và trong cuộc sống. Sự nghiệp KH - CN của tỉnh có những bước phát triển mới, tiềm lực KH - CN được tăng cường, đội ngũ cán bộ KH - CN được nâng lên cả về số lượng và chất lượng, có khả năng tiếp thu và làm chủ tri thức ở một số ngành, lĩnh vực hiện đại như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học,... Một số vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thông qua các dự án, được hướng dẫn áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, canh tác, đổi mới phương thức..., từ đó dần cải thiện cuộc sống. Công tác quản lý khoa học có nhiều cải tiến, thực hiện tốt chức năng tham mưu trong việc cụ thể hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước kịp thời và phù hợp với điều kiện của địa phương. Việc ứng dụng, chuyển giao KH - CN trong quản lý, trong lao động sản xuất được chú trọng, nhất là việc ứng dụng các tiến bộ KH - CN trong phát triển nông nghiệp, nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao thu nhập, phát triển thương hiệu và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

### **2.1. Về trình độ khoa học và công nghệ**

Trình độ KH - CN của tỉnh đến nay thuộc loại khá của cả nước, trong đó có một số lĩnh vực như công nghệ sinh học, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp thuộc tốp dẫn đầu của cả nước. Cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập được đầu tư và hoạt động có hiệu quả; các viện, trường trên địa

---

<sup>2</sup> Trong 10 năm: Đài phát thanh và Truyền hình Lâm Đồng đã thực hiện 530 chuyên mục “Kinh tế hội nhập” với tổng thời lượng gần 8.000 phút, 240 chuyên mục “Nông thôn mới” với tổng thời lượng 3.600 phút, trên 1.000 chương trình “365 ngày chuyển động” với tổng thời lượng hơn 1.600 phút, 530 chuyên mục “chuyện nhà nông” với tổng thời lượng gần 32.000 phút;

Sở KH&CN xây dựng 147 điểm thông tin khoa học và công nghệ đến 147 xã, phường, thị trấn; phát hành 32.500 bản tin KH&CN (55 số), 13.200 bản tin KH&CN phục vụ doanh nghiệp (28 số), 216.000 bản tin KH&CN phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn (108 số), 2.000 bản tóm tắt kết quả nghiên cứu KH&CN (10 số).

bàn được Trung ương đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại đã và đang đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu khoa học, giảng dạy và góp phần phục vụ phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Trong đó, Trường Đại học Đà Lạt là cơ sở đào tạo có uy tín tại khu vực Tây Nguyên, trên cả nước và được các đối tác trên thế giới biết đến. Trường luôn coi trọng công tác nghiên cứu khoa học là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng cùng với quá trình đổi mới nội dung và phương pháp dạy học; hoạt động nghiên cứu khoa học được triển khai dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: nghiên cứu nhiệm vụ KH - CN các cấp, viết tài liệu tham luận hoặc các bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước, kỷ yếu hội thảo. Theo thống kê từ năm 2012 đến nay, Trường đã chủ trì thực hiện tổng cộng 350 đề tài và dự án KH - CN, trong đó có 9 chương trình KH - CN hợp tác với nước ngoài, 25 nhiệm vụ KH - CN cấp tỉnh và tương đương, 281 nhiệm vụ KH - CN cấp cơ sở. Tổng kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp là gần 60 tỷ đồng. Đối với các nhiệm vụ KH - CN theo đặt các của các địa phương (*Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Thuận*), trường ưu tiên tập trung nghiên cứu các vấn đề về nông nghiệp như: sâu bệnh hại cây trồng (*cà chua, tiêu, măng tây...*), sưu tầm và bảo vệ các nguồn gen đặc hữu của địa phương (*cây trà mi, cây họ dẻ...*); các vấn đề về phát triển du lịch (du lịch thể thao, du lịch cộng đồng, du lịch mạo hiểm); các vấn đề về KHXHNV (*khảo cổ, tôn giáo, xóa đói giảm nghèo*); các vấn đề về chính sách phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tỷ số đề tài nghiên cứu KH - CN trên số cán bộ hữu cơ của trường đã được nghiệm thu trong 10 năm là 350/487.

Các doanh nghiệp luôn chú ý đến việc đổi mới, nâng cấp và sử dụng hiệu quả máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất. Một số ngành, lĩnh vực, đơn vị đã có bước chuyển trong việc đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, điển hình như: Chuyển giao công nghệ sản xuất gạch Tuynel ở nhà máy gạch Tuynel Thanh Mỹ tại Công ty TNHH Thăng Đạt - Đơn Dương; công nghệ làm nấm ăn, nấm dược liệu tại Công ty TNHH Ngọc Yến Minh - Đơn Dương, Công ty TNHH Nấm Thuận Thái - Bảo Lộc; công nghệ thực phẩm làm tương chao của Công ty TNHH Bông Mai; công nghệ sản xuất, tinh chế gỗ ván sàn của Công ty TNHH Vạn Đức; mô hình phát triển vùng nguyên liệu cây ca cao tại huyện Đam Rông; mô hình sản xuất cà phê bền vững tại huyện Lâm Hà của Công ty TNHH Trần Thành; mô hình chăn nuôi bò thịt cao sản tại tỉnh Lâm Đồng của Trung tâm Ứng dụng KH&CN Lâm Đồng; xây dựng mô hình sản xuất và chế biến chè chất lượng cao phục vụ xuất khẩu tại huyện Bảo Lâm và thành phố Bảo Lộc ....Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp về KH - CN, nhất là trong hỗ trợ về bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá đã tạo đà cho các sản phẩm nông sản đặc thù của tỉnh thâm nhập vào thị trường khắp cả nước, kể cả những phân khúc thị trường khó tính nhất; qua đó đã góp phần thúc đẩy nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Các tổ chức, cá nhân mạnh dạn đầu tư công nghệ mới, trang bị các thiết bị hiện đại trong phòng thí nghiệm nuôi cấy mô để phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Nhiều trang trại sản xuất nông nghiệp đầu tư trang thiết bị hiện đại, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật từ khâu sản xuất giống, trồng, chăm sóc, bảo quản sau thu hoạch, cung cấp các sản phẩm đạt năng suất, chất lượng cao. Các sáng chế, giải pháp hữu ích của người nông dân địa phương đã góp phần phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh như: máy gieo hạt, máy đóng đất vào vỉ xốp, máy băm cỏ...

Những kết quả nghiên cứu của các đề tài/dự án KH - CN đã đi vào cuộc sống, từng bước khẳng định vai trò của KH - CN góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong từng ngành, lĩnh vực, tác động trực tiếp đến đời sống nhân dân làm thay đổi suy nghĩ, thói quen sản xuất như: Xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, phát triển kinh tế - xã hội. Việc ứng dụng KH - CN trong các lĩnh vực đã được thực hiện rộng khắp, làm thay đổi mọi mặt đời sống, sản xuất, sinh hoạt của nhân dân.

## ***2.2. Về phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ***

Việc phát triển, ứng dụng KH - CN được triển khai đồng bộ và gắn kết chặt chẽ trên các lĩnh vực; các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ được tỉnh cân đối để đầu tư phát triển đã phát huy được vai trò, tầm quan trọng của từng lĩnh vực, nâng cao tiềm lực và trình độ của cả nền khoa học và công nghệ, đóng góp thiết thực cho các mục tiêu phát triển của tỉnh.

*Trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn (KH-XHNV):* giai đoạn 2012 - 2022 có 12 đề tài, nhiệm vụ được triển khai thực hiện, hoạt động nghiên cứu KH - CN đã tập trung có trọng tâm, trọng điểm vào các lĩnh vực: chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao năng lực quản lý nhà nước, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, phát triển du lịch, khôi phục và phát triển ngành nghề truyền thống và nghề phụ.

Qua đó, cung cấp luận cứ cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần xây dựng hệ thống quan điểm phát triển đất nước, bảo tồn các giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Lâm Đồng<sup>3</sup>, nâng cao năng lực sản xuất, cung ứng đa dạng nguồn giống tại chỗ, nâng cao năng suất, chất lượng trong sản xuất.

*Lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật - công nghệ* có bước phát triển trong nghiên cứu cơ bản, với 40 đề tài, nhiệm vụ được triển khai thực hiện như ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất và sử dụng các chế phẩm sinh học phục

---

<sup>3</sup> Sản phẩm “Rượu cần Lang Biang”, hoạt động văn hoá “Cồng chiêng Lang Biang”; sản phẩm “Cà phê Arabica Lang Biang” và sản phẩm “hoa hồng Lang Biang”; Làng nghề thổ cẩm Thôn Đam Pao - Đa Dờn, Lâm Hà.

vụ sản xuất nông sản an toàn; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và cải cách thủ tục hành chính; ứng dụng công nghệ mới trong công nghiệp khai khoáng, chế biến khoáng sản; sản xuất vật liệu tiên tiến, vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường, vật liệu xử lý môi trường tạo cơ sở cho việc hình thành một số lĩnh vực khoa học và công nghệ đa ngành mới, góp phần nâng cao trình độ và năng lực của khoa học cơ bản.

Trong những năm qua, tỉnh đã triển khai ứng dụng hệ thống văn phòng điện tử, thư điện tử công vụ; triển khai áp dụng phần mềm một cửa điện tử liên thông; trang bị hệ thống hội nghị trực tuyến; áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Việc triển khai các ứng dụng này góp phần khai thác có hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng chính quyền điện tử, hiện đại hoá nền hành chính, nâng cao chất lượng hoạt động hiệu quả của các cơ quan, đơn vị hành chính đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin; đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính, từng bước nâng cao lòng tin của nhân dân và doanh nghiệp khi đến giao dịch.

Đồng thời, các chương trình trọng điểm được thiết kế và triển khai như Chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao, mang tính thực tiễn cao, phù hợp với xu thế đã tạo bước phát triển vượt bậc về quy mô, năng suất, giá trị, thu nhập với những mô hình sản xuất phong phú, đa dạng, cơ cấu cây trồng hợp lý, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

### ***2.3. Về đóng góp của khoa học và công nghệ trong tăng trưởng kinh tế của địa phương***

Trong 10 năm qua, KH - CN luôn gắn bó mật thiết, đồng hành với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; giúp nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Nhờ đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP của tỉnh đạt khá cao, bình quân giai đoạn 2015 - 2020 tăng 8,0%; quy mô GRDP tăng 1,6 lần; chất lượng tăng trưởng nhiều mặt được nâng lên, năng suất lao động tăng 1,5 lần so với năm 2015; GRDP bình quân đầu người đạt 66 triệu đồng/người/năm 2021.

- *Trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp*: Tập trung vào việc khảo nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất chất lượng cao, ứng dụng các kỹ thuật, quy trình mới trong sản xuất, bảo quản và chế biến sản phẩm đã góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích, đặc biệt trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao (NNCNC) như: khâu gieo ươm giống rau, hoa đã được cơ giới hóa từ khâu rửa vôi, đóng giá thể và gieo hạt bằng máy cho năng suất lao động tăng gấp 5 - 7 lần so với làm thủ công; nhà kính nhập khẩu (150 ha) tích hợp các công nghệ thông minh trên thế giới; công nghệ màng lợp nhà kính bằng PE 3 - 5 lớp có tác dụng chống tia UV, khuếch tán ánh sáng, chống bám bụi và độ bền cao (5 - 7 năm); công nghệ IoT giúp người sản

xuất giảm 10 - 20% lượng thuốc BVTV, phân bón; giảm 30 - 50% lượng nước tưới và nhân công lao động cho các trang trại.... Trong chăn nuôi sử dụng máy liên hợp, phối trộn khẩu phần thức ăn hoàn chỉnh theo phương pháp TMR (*Total mixing rotation*); sử dụng robot đẩy thức ăn tự động; gắn chip điện tử (SCR) theo dõi tình trạng ăn uống, nghỉ ngơi vật nuôi; theo dõi tình hình sức khỏe, bệnh tật; theo dõi phát hiện động dục và sản lượng sữa để kịp thời điều chỉnh chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý phù hợp; hệ thống massa tự động, nghe nhạc để kích thích tăng năng suất sữa; sử dụng trên 95% máy vắt sữa thay cho việc dùng tay vắt sữa thủ công đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi bò sữa. Có 98 đơn vị đã áp dụng công nghệ tem truy suất điện tử (*mã QR code*)... Nhiều giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất cao, chất lượng tốt được chọn lọc, lai tạo đưa vào nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm; các dự án xây dựng mô hình ứng dụng NNCNC (*nhân giống invitro, công nghệ giống mới, nhà kính, IoT, bảo quản và chế biến sản phẩm, cơ giới hóa,...*) được chuyển giao ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn góp phần gia tăng hiệu quả sản xuất, đưa doanh thu bình quân trên đơn vị diện tích toàn tỉnh năm 2021 đạt 201 triệu đồng/ha; trong đó doanh thu bình quân trên đơn vị diện tích sản xuất NNCNC đạt bình quân 430 triệu đồng/ha.

- *Trong lĩnh vực y tế*: Đã thực hiện 09 nhiệm vụ KH&CN ứng dụng trong công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân với mục tiêu phát triển thể chất, tinh thần, giảm tỉ lệ mắc bệnh, tăng tuổi thọ, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; các kỹ thuật cao trong việc chẩn đoán, phát hiện, phòng và điều trị các bệnh như: Basedow; mổ che phủ khuyết hồng phần mềm chi thể bằng vật da có cuống liên mạch; khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng bằng phẫu thuật nội soi; phẫu thuật thoát vị đĩa đệm cột sống cổ kèm hàn xương lồi trước phẫu thuật nội soi điều trị ung thư đại - trực tràng...tại Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng và Bệnh viện II Lâm Đồng. Việc chuyển giao kết quả đề tài, dự án vào thực tiễn, giúp giảm bệnh nhân chuyển viện, giảm tải bệnh nhân cho tuyến trên, tiết kiệm chi phí cho gia đình bệnh nhân, góp phần phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

- *Trong lĩnh vực thông tin truyền thông*: 100% đơn vị sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, triển khai một cửa điện tử, rút ngắn thời gian xử lý, tăng tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công mức độ 3 và mức độ 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp. Các hệ thống thông tin dùng chung toàn tỉnh được đầu tư và quản lý, sử dụng ngày càng hiệu quả; triển khai, tích hợp, kết nối liên thông với các hệ thống thông tin của Trung ương như: Quản lý văn bản và điều hành; một cửa điện tử liên thông; thư điện tử công vụ; hội nghị truyền hình; Cổng dịch vụ công trực tuyến. Bên cạnh đó, các hệ thống thông tin chuyên ngành của tỉnh đã và đang được đầu tư xây dựng, nguồn dữ liệu thông tin



được tin học hoá, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động quản lý, điều hành của từng ngành, lĩnh vực, các hoạt động kinh tế - xã hội nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

- *Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo:* Ứng dụng các đề tài nghiên cứu, các giải pháp hữu ích, sáng kiến kinh nghiệm trong từng cấp học; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy, sử dụng thành thạo máy chiếu và giáo án điện tử, lưu trữ, quản lý tài liệu; triển khai hệ thống quản lý trường học - VNPT School, sổ liên lạc điện tử, quản lý thi nghề phổ thông, quản lý văn bằng chứng chỉ; quản lý thi học sinh giỏi, quản lý thư viện, xét tốt nghiệp, quản lý học sinh - giáo viên, quản lý kiểm tra thi - xét tuyển - tốt nghiệp, quản lý liên lạc điện tử, chuyên trường...; trang bị kỹ năng tin học công nghệ 4.0 cho đội ngũ giáo viên cốt cán, bước đầu dạy “*trí tuệ nhân tạo*” cho học sinh; xây dựng Trung tâm điều hành thông minh,... góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

- *Trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch:* đẩy mạnh ứng dụng KH&CN trong công tác quảng bá và kinh doanh du lịch; triển khai có hiệu quả các đề tài, giải pháp khoa học như “*Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cơ sở lưu trú*”, “*Sưu tầm, bảo tồn và phát triển hoa trang trí các dân tộc bản địa tỉnh Lâm Đồng*”; “*Nghiên cứu ứng dụng mô hình nhà vườn du lịch tại Đà Lạt và vùng phụ cận*”; “*Nghiên cứu đánh giá và phát huy sản phẩm du lịch đặc thù nhằm thu hút khách đến Đà Lạt, Lâm Đồng*”; “*Giải pháp phát triển sản du lịch thể thao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*”; “*Nghiên cứu giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di tích khảo cổ học Cát Tiên - Lâm Đồng*”; “*Giải pháp phát triển hoạt động thể thao quần chúng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*”.... Từ kết quả đó giúp thực hiện các nghiệp vụ quản lý, thống kê, tổng hợp, lập báo cáo,... góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong khai thác sử dụng các phần mềm khoa học.

- *Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường:* từ kết quả các mô hình xử lý nước sạch, vệ sinh môi trường được triển khai đã xây dựng được các giải pháp để bảo vệ môi trường và ứng dụng hiệu quả trong thực tế, giảm tối đa gây ô nhiễm môi trường. Hiện nay nhiều hệ thống nước sạch đã được đưa vào sử dụng có hiệu quả trên địa bàn.

- *Trong lĩnh vực đổi mới và phát triển công nghệ:* hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới và phát triển công nghệ, nâng cao năng suất lao động của tỉnh, giải quyết công ăn việc làm cho nhiều lao động. Nhiều doanh nghiệp đã thực sự quan tâm và mạnh dạn đầu tư đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất và đời sống, nâng cao năng suất chất lượng, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Ngoài ra, các Sở, ngành, đơn vị, địa phương cũng tập trung nguồn lực đầu tư và ứng dụng KH&CN phù hợp để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao theo từng lĩnh vực và nội dung cụ thể nhằm phục vụ công tác quản lý, người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, KH&CN còn đóng góp vào một số lĩnh vực khác như: phát triển nguồn nhân lực KH&CN; hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, giải pháp công nghệ trong các lĩnh vực đời sống, kinh tế, xã hội cũng được đầu tư và triển khai nhân rộng nhằm tạo điều kiện ứng dụng các thành tựu nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; thúc đẩy chuyển giao, đổi mới công nghệ, thiết bị... góp phần thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội của tỉnh nói riêng và liên kết phát triển kinh tế vùng nói chung.

#### **2.4. Về đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ**

Nguồn nhân lực có trình độ KH - CN của tỉnh trong những năm qua không ngừng tăng lên về số lượng, đồng thời được quan tâm đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ cho công tác quản lý, sự nghiệp và nghiên cứu khoa học của tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh có 1.482 cán bộ công tác liên quan trong lĩnh vực KH&CN. Cụ thể: lĩnh vực y được có 35 người (100% thạc sĩ); trong đó các sở, ngành 16 người; các viện, trường, trung tâm nghiên cứu (TTNC) 05 người; các địa phương 14 người. Lĩnh vực nông nghiệp có 171 người (31 tiến sĩ, 140 thạc sĩ); trong đó các sở, ngành 46 người; các viện, trường, TTNC 62 người; các địa phương 63 người. Lĩnh vực môi trường có 148 người (19 tiến sĩ, 129 thạc sĩ); trong đó các sở, ngành 76 người; các viện, trường, TTNC 24 người; các địa phương 48 người. Lĩnh vực quản lý - xã hội nhân văn có 298 người (10 tiến sĩ, 288 thạc sĩ); trong đó các sở, ngành 136 người; các viện, trường, TTNC 13 người; các địa phương 149 người. Các lĩnh vực khác có 830 người (33 tiến sĩ, 652 thạc sĩ); trong đó các sở, ngành 413 người; các viện, trường, TTNC 145 người; các địa phương 272 người. Ngoài ra còn 145 người có trình độ khác hoạt động trong các lĩnh vực và đang công tác tại các sở, ngành, viện, trường, TTNC và tại các địa phương trong tỉnh.

Mặc dù có tiềm năng lớn về đội ngũ cán bộ KH - CN, nhưng phân bố không đều về số lượng và trình độ chuyên môn giữa các ngành, địa phương và các đơn vị trong tỉnh. Nguồn nhân lực chất lượng cao tập trung chủ yếu ở các viện nghiên cứu, trường đại học đóng trên địa bàn tỉnh. *(Chi tiết kèm theo bảng phụ lục 2)*

#### **2.5. Về số lượng các công trình được công bố quốc tế và số lượng các sáng chế được bảo hộ trong nước và ở nước ngoài**

Trong 10 năm, toàn tỉnh có khoảng 1.000 bài báo khoa học được công bố tại các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, trong đó có khoảng 100 bài báo trên tạp chí quốc tế, có nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục SCI, SCIE, ISI; trên 200 bài tham luận khoa học tham dự hội thảo trong và ngoài nước, các công bố tập trung trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật công nghệ và xã hội nhân văn. Đặc biệt, Trường Đại học Đà Lạt đã thực hiện 02 dự án

hợp tác nghiên cứu với Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) với tổng kinh phí gần 3 tỷ và 01 dự án chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp, kinh phí 460 triệu đồng; phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước tổ chức 60 buổi hội nghị, hội thảo, tọa đàm các cấp, trong đó có 20 hội nghị, hội thảo cấp khu vực, quốc gia và quốc tế. Trong đó, phải kể đến những tọa đàm quốc tế với các nhà khoa học nổi tiếng như: Thomas Hoofst, nhà khoa học đạt giải Nobel Vật lý năm 1999; Giáo sư Carlos Torres, Trường Đại học California (Hoa Kỳ); Chủ tịch Ủy ban Giáo dục Công dân toàn cầu của UNESCO; Chủ tịch An ninh mạng quốc tế; ... đến trao đổi về những hỗ trợ trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tại Trường Đại học Đà Lạt; đồng thời, các giáo sư còn có buổi nói chuyện với sinh viên nhằm mục đích khuyến khích các em tăng cường học hỏi và nghiên cứu khoa học ngay trong thời gian học tập tại Trường.

Có 12 giải pháp hữu ích được cấp văn bằng bảo hộ trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ sinh học, cơ khí. Ngoài ra, có 16 nhiệm vụ thuộc chương trình KH - CN cấp Quốc gia đã triển khai và đạt được nhiều kết quả nổi bật, chủ yếu thực hiện trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi được các doanh nghiệp, địa phương trực tiếp đặt hàng, do đó có tính ứng dụng cao trong thực tế.

*(Chi tiết kèm theo bảng phụ lục 3)*

## **2.6. Về phát triển các tổ chức và doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 34 tổ chức và cá nhân được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN (gồm 17 tổ chức công lập, 04 tổ chức ngoài công lập, 06 cơ sở giáo dục và 07 cá nhân); 34/34 tổ chức, cá nhân hoạt động theo đúng các lĩnh vực được cấp phép, tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu trong và ngoài tỉnh. Công tác quản lý đăng ký hoạt động các tổ chức KH - CN được tăng cường và đi vào nề nếp. Các tổ chức KH - CN công lập đã chủ động trong công tác nghiên cứu, ứng dụng, tăng cường thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý tài chính, thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và sử dụng tài sản được giao để thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, mở rộng hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh nâng dần mức độ tự chủ và đạt được các kết quả tích cực.

Về doanh nghiệp KH - CN, toàn tỉnh hiện có 06 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận KH - CN, gồm các lĩnh vực: Y dược (03); nông nghiệp (02); công nghệ thông tin (01). Ngoài ra, có 56 cơ sở nuôi cấy mô rau, hoa, nấm (*quy mô các phòng thí nghiệm với 490 box cấy; 449 CBKT và 397 CNKT*) thuộc khối cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở tư nhân; sản xuất hàng năm 72.300.500 cây giống và 27,8 tấn nấm. Các đơn vị đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực, triển khai thực hiện các hoạt động nghiên cứu, sản xuất, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện an sinh xã hội và chất lượng đời sống của nhân dân.

*(Chi tiết kèm theo bảng phụ lục 4, 5)*

## ***2.7. Về những khía cạnh chính trị, xã hội của việc ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ***

Trong những năm qua, tỉnh Lâm Đồng đã triển khai 110 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và cấp tỉnh, gần 200 nhiệm vụ cấp cơ sở với mục tiêu ứng dụng nhanh, rộng rãi, có hiệu quả và bền vững để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, tỉnh cũng tiếp nhận, ứng dụng trên 130 quy trình công nghệ đạt hiệu quả, xây dựng hàng trăm mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ tại các huyện/thành phố và được chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân ứng dụng có hiệu quả trong sản xuất và đời sống như: trồng rau hoa công nghệ cao; sản xuất giống khoai tây sạch bệnh; nuôi bò thịt chất lượng cao; trồng dâu nuôi tằm; sinh sản và nuôi thương phẩm cá nước lạnh ...; phòng trừ sâu bệnh hại trên các đối tượng cây trồng, vật nuôi: cà chua, cà phê, chè, dâu tằm, cá nước lạnh... góp phần đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Tích cực trong việc thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; bảo đảm thống nhất, kết nối liên thông và đồng bộ. Một số huyện, thành phố đã đầu tư xây dựng, hoàn thiện và đưa vào vận hành thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh (*Thành phố Đà Lạt, huyện Lạc Dương*) với khả năng giám sát và quản lý từ tổng thể đến chi tiết như các chỉ tiêu đánh giá về tình hình kinh tế - xã hội, giám sát trực quan trên bản đồ số, tình hình chất lượng dịch vụ y tế, việc xử lý phản ánh về bất cập đô thị, camera trí tuệ nhân tạo giám sát đô thị trực tiếp, quản lý thủ tục cấp phép xây dựng, tình hình thực hiện văn bản chỉ đạo điều hành và giải quyết dịch vụ hành chính công... Đồng thời, tỉnh đã xây dựng và đưa vào vận hành phần mềm Quy hoạch đô thị và quản lý đất đai trên địa bàn thành phố Đà Lạt; Cổng thông tin, bản đồ số và ứng dụng du lịch thông minh; Đưa vào khai thác Ứng dụng nội bộ phục vụ công tác quản lý nhà nước; Phát triển ứng dụng Kết nối người dân và chính quyền.

Ngoài ra, triển khai một số đề tài nghiên cứu các giải pháp ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường; nghiên cứu hướng tới giải quyết vấn đề bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị của di sản văn hóa, lễ hội và thuần phong mỹ tục; đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng cuộc sống và sức khỏe người dân... Ứng dụng KH - CN còn được triển khai đến các doanh nghiệp thông qua Chương trình khuyến công, Chương trình hỗ trợ về KH - CN cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2020, chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2020.

Việc ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ trong đời sống đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành của nhà nước, đảm bảo tính chân thực, chính xác, minh bạch, đáp ứng cơ bản nhu cầu người dân.

### **3. Đánh giá những kết quả đạt được theo các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm của Nghị quyết số 20-NQ/TW, Kết luận số 50-KL/TW, Kế hoạch số 101-KH/TU, ngày 03/9/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy**

#### ***3.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, giám sát của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ***

Trong những năm qua, xác định phát triển KH - CN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm; Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp ủy, chính quyền các cấp đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo triển khai phát triển KH - CN, gắn các nhiệm vụ, giải pháp của KH - CN với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH - CN; chú trọng đổi mới cơ chế, phương thức quản lý, tổ chức hoạt động để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Các địa phương, cơ quan, đơn vị, các ngành chức năng làm tốt việc quản lý, tuyên truyền, tập huấn chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới cho nhân dân; luôn quan tâm đẩy mạnh ứng dụng KH - CN để tạo ra sự đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh trên các sản phẩm như: rau, hoa, cà phê, chè, dược liệu...; ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp công nghệ cao, bảo vệ môi trường sinh thái; phát triển ứng dụng trong ngành công nghiệp, dịch vụ, công nghệ thông tin, công nghệ sản xuất vật liệu mới. Chú trọng đầu tư cho lĩnh vực áp dụng KH - CN, huy động các nguồn vốn xã hội; khuyến khích thành lập quỹ phát triển KH - CN tại các doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường ứng dụng và chuyển giao KH - CN vào lĩnh vực nông nghiệp nhằm tạo điều kiện để kết nối giao thương, kết nối cung - cầu, mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài; tăng cường các dự án để thu hút nguồn vốn đầu tư của Trung ương.

Việc tiếp cận và ứng dụng tiến bộ KH - CN vào sản xuất, kinh doanh, quản lý mang lại hiệu quả cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài tỉnh; tăng năng suất, nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, đem lại lợi nhuận cao, cải thiện môi trường sinh thái, phù hợp kinh tế thị trường, phát triển bền vững. Công tác nghiên cứu, ứng dụng KH - CN từng bước gắn với thực tiễn sản xuất và đời sống, tích cực chuyển đổi cơ chế quản lý, quy hoạch hạ tầng cơ sở, vùng sản xuất, thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo cơ chế thị trường, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh góp phần thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Việc theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai, thực hiện các nhiệm vụ KH - CN được tiến hành định kỳ và kịp thời điều chỉnh các giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế của địa phương thông qua việc thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí khoa học công

nghệ, việc đưa giống, kỹ thuật vào phục vụ sản xuất tại địa phương nhằm khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, sai mục đích, kém hiệu quả...

### ***3.2. Cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ***

Trong những năm qua công tác quản lý, tổ chức, hoạt động KH - CN từng bước đổi mới phù hợp với yêu cầu thực tế; quy trình đăng ký, xét duyệt, tuyển chọn, phê duyệt và giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH - CN; quy trình tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu KH - CN được cải tiến phù hợp với quy định của Luật Khoa học - Công nghệ, các văn bản hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và thực tế tại địa phương. Việc cải tiến đã phát huy cao hơn vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp, các tổ chức KH - CN trong việc xác định danh mục nhiệm vụ và đề xuất đặt hàng; đồng thời xác định cụ thể đơn vị tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học sau khi nhiệm vụ được đánh giá nghiệm thu.

Công tác xây dựng kế hoạch và phân bổ kinh phí trong việc triển khai nhiệm vụ KH - CN đã có nhiều đổi mới phù hợp với các quy định hiện hành. Các nhiệm vụ KH - CN bảo đảm tính đồng bộ, gắn kết giữa định hướng phát triển dài hạn, chương trình phát triển trung hạn với kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng KH - CN hàng năm. Kế hoạch phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH - CN có chuyển biến tích cực đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Giai đoạn 2012-2021, nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước đã chi cho sự nghiệp KH - CN của tỉnh với tổng số tiền 304.523.778 triệu đồng. Xây dựng khung pháp lý để đưa Quỹ Phát triển KH - CN Lâm Đồng đi vào hoạt động và cho vay vốn hiệu quả, đến nay Quỹ đã cho vay được 07 dự án với tổng kinh phí giải ngân 16.000 triệu đồng.

*(Chi tiết kèm theo bảng phụ lục 6).*

Bên cạnh đó, để triển khai Kế hoạch số 48-KH/TU, ngày 16/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “*Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*” và Kế hoạch số 49-KH/TU, ngày 16/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “*Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*”, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND, ngày 01/3/2019 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2648/QĐ-UBND, ngày 26/12/2018 về việc sáp nhập Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ vào Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, hoàn thành việc sáp nhập các đơn vị trực thuộc và các phòng theo các kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt, đồng thời thực hiện tinh giản biên chế, qua đó giảm bộ phận gián tiếp, tiết kiệm nhân lực công tác hành chính, ưu tiên nguồn nhân lực cho công tác chuyên môn.

### 3.3 Việc triển khai các định hướng nhiệm vụ KH - CN chủ yếu

Hoạt động định hướng các nhiệm vụ khoa học công nghệ được chỉ đạo theo xu hướng phát triển và phù hợp với thực tế tại địa phương, nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế so sánh để phát triển, có trọng tâm, trọng điểm.

- *Lĩnh vực nông nghiệp (chiếm khoảng 60% kinh phí NSNN)*: Tập trung cho công tác nghiên cứu, chọn tạo, nhân giống, khảo nghiệm, xử lý dịch hại trên các giống cây trồng, vật nuôi chủ lực có thể mạnh như: Cà phê, khoai tây, atisô, dâu tây, cà chua, cá hồi, cá tầm, bò thịt...; phát triển trên diện rộng các mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất rau an toàn, trồng dâu nuôi tằm, chăn nuôi bò thịt cao sản, nuôi trồng nấm linh chi, đông trùng hạ thảo; xây dựng chuỗi liên kết hoàn thiện từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm để chuyển giao ứng dụng trong thực tiễn. Đến nay đã tăng tỷ lệ giống mới, kỹ thuật canh tác mới, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa. Các kết quả được người dân ứng dụng nhanh vào sản xuất, nhất là các giống mới và quy trình kỹ thuật..., qua đó khai thác được tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, từng địa phương.

Các hoạt động KH - CN được tập trung vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh<sup>(4)</sup> như: Công nghệ giống (*sản xuất, chọn tạo, invitro, ghép ...*), áp dụng quy trình canh tác nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, sản xuất hữu cơ (Organic), công nghệ nhà kính, nhà màng; công nghệ tưới kết hợp bón phân tự động, ứng dụng IoT, ứng dụng trong chế biến bảo quản sau thu hoạch và phân loại sản phẩm. Đồng thời, nghiên cứu về biện pháp kỹ thuật gây trồng cây Hoàng liên ô rô, Bá bệnh và Đảng sâm dưới tán rừng thông 3 lá tại Lâm Đồng; nghiên cứu về Thông Caribe, Bạch tùng và Thông năm lá bổ sung tập đoàn cây trồng rừng kinh tế tại Lâm Đồng.

- *Lĩnh vực môi trường*: tập trung nghiên cứu các tai biến địa chất (*nứt đất, trượt lở đất, lũ quét*) nhằm cung cấp số liệu khoa học giúp các ngành, địa phương ứng phó với các sự cố địa chất xảy ra thời gian qua trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu đánh giá hiện trạng thoái hóa đất sản xuất nông nghiệp trồng rau hoa tại thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đồng thời xây dựng các mô hình canh tác giảm thiểu thoái hóa đất; nghiên cứu đánh giá trữ lượng, chất lượng nước ngầm, tính toán cân bằng nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp; đánh giá thoái hóa đất sản xuất nông nghiệp, xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường ...

- *Lĩnh vực xã hội nhân văn*: Tập trung nghiên cứu đa dạng hóa các sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh; xây dựng mô hình du lịch dựa vào cộng đồng, mô hình xuất khẩu hàng hóa thông qua du lịch; nghiên cứu về nghèo đa chiều, mô hình

---

<sup>4</sup> Tổng diện tích đất sản xuất NNUĐCNC của tỉnh hiện nay trên 63.100 ha, trong đó có 377 ha ứng dụng công nghệ thông minh.

giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số ...

- *Lĩnh vực y dược*: Tập trung điều tra, đánh giá tài nguyên dược liệu của tỉnh để xác định các loài dược liệu đặc hữu, có giá trị cao về dược lý để tiếp tục triển khai các nghiên cứu chế biến sản phẩm như: cao lỏng, trà hòa tan, trà túi lọc từ dược liệu địa phương (*đăng sâm, lan gấm, húng chanh, dâu tằm, linh chi, trà hoa vàng ...*) và chuyển giao cho doanh nghiệp sản xuất cung ứng trên thị trường.

- *Lĩnh vực sản xuất công nghiệp, chế biến*: Quan tâm đổi mới và cải tiến công nghệ, giảm ô nhiễm môi trường, sử dụng các công nghệ bảo quản, chế biến tiên tiến, các loại máy móc hiện đại, tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đem lại hiệu quả kinh tế cao.

(Chi tiết kèm theo bảng phụ lục 7)

### **3.4. Về phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ**

Toàn tỉnh hiện có hơn 1.450 cán bộ công tác trong lĩnh vực KH - CN. Hàng năm, tỉnh luôn quan tâm tạo điều kiện thuận lợi nhằm phát huy tối đa tiềm năng của đội ngũ cán bộ KH - CN như việc ban hành Kế hoạch xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp, Nhân dân chủ động tham gia hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu KH - CN vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Các nhiệm vụ KH - CN đã bảo đảm tính đồng bộ, gắn kết giữa định hướng phát triển dài hạn, chương trình phát triển trung hạn với kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng KH - CN hàng năm. Kế hoạch phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH - CN có chuyển biến tích cực đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Giai đoạn 2012 - 2021, từ nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước đã chi cho sự nghiệp KH - CN của tỉnh với tổng số tiền 304.523.778 triệu đồng. Tham mưu xây dựng khung pháp lý để đưa Quỹ Phát triển KH&CN Lâm Đồng đi vào hoạt động và cho vay vốn hiệu quả, đến nay Quỹ đã cho vay được 07 dự án với tổng kinh phí giải ngân 16.000 triệu đồng.

### **3.5. Về phát triển thị trường khoa học và công nghệ**

Giai đoạn 2012 - 2021, công tác phát triển thị trường KH - CN luôn được thúc đẩy triển khai thực hiện. Hàng năm, doanh nghiệp được tạo điều kiện thuận lợi để nhanh chóng gia nhập chuỗi giá trị toàn cầu và chiếm lĩnh thị trường trong nước và quốc tế thông qua việc hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chợ công nghệ, thiết bị, sự kiện “*kết nối cung cầu*”<sup>(5)</sup>. Qua đó, tạo điều kiện cho doanh nghiệp trình diễn, giới thiệu các sản phẩm mới; kết nối cung và cầu công nghệ với các đối tác trong nước và nước ngoài phục vụ ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ. Đồng thời, hỗ trợ doanh

<sup>5</sup> Hỗ trợ 05 Công ty tham gia sự kiện “Ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ”; “Techdemo - Kết nối cung cầu công nghệ và xúc tiến đầu tư”; “Kết nối ý tưởng”.



nghiệp ứng dụng các kỹ thuật tiên bộ, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nâng cao năng suất và chất lượng, xây dựng và phát triển thương hiệu nhằm tăng cường sức cạnh tranh, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO và các tiêu chuẩn quốc tế, quốc gia khác...<sup>(6)</sup>

Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh thông qua việc tổ chức “Ngày hội khởi nghiệp”, phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH - CN tổ chức sự kiện “*Techfest vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ*”. Qua đó, đã góp phần thúc đẩy liên kết các thành phần của Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo vùng (*doanh nghiệp khởi nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu, quỹ đầu tư, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp,...*) với Hệ sinh thái quốc gia và quốc tế, tạo dựng và lan tỏa tinh thần khởi nghiệp sáng tạo tại địa phương. Đồng thời, hàng năm, tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng khởi nghiệp, tập huấn và phổ biến chủ trương, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp; duy trì cập nhật gần 150 tin bài về khởi nghiệp trên trang thông tin điện tử tích hợp trên Cổng thông tin khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng <http://khoinghiep.lamdong.gov.vn>.

Việc phát triển thương hiệu các sản phẩm đặc trưng thế mạnh của tỉnh được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm góp phần nâng cao giá trị, sức cạnh tranh trên thị trường, nâng cao đời sống của người dân trong vùng nhằm phát triển kinh tế - xã hội của địa phương<sup>(7)</sup>. Các đơn vị được cấp ủy quyền sử dụng nhãn hiệu đã chủ động trong việc tổ chức tiếp cận thị trường, xây dựng kế hoạch sản xuất, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm. Một số nhãn hiệu đã phát huy hiệu quả, bước đầu khẳng định được vị thế trong và ngoài nước; điển hình như: Nhãn hiệu chứng nhận “*Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành*” được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ vào cuối năm 2017. Đến nay, thành phố Đà Lạt đã cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “*Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành*” cho 392 tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố và các huyện phụ cận (*318 tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm hoa Đà Lạt; 41 tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm rau Đà Lạt; 23 tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm cà phê Arabica; 10 tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm Du lịch canh nông*).

### **3.6. Về hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ**

Tăng cường hợp tác với các trung tâm, trường, viện nghiên cứu về lĩnh vực hoạt động KH - CN như: hợp tác nghiên cứu khoa học, tham gia hội đồng KH - CN,

<sup>6</sup> Hướng dẫn 64 lượt doanh nghiệp thực hiện áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN: ISO 9000, ISO 1400, HACCP, GMO, GAP, ISO 17025... trong đó có 42 doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9000, ISO 1400, HACCP, GMO, GAP, ISO 17025... Hỗ trợ 88 dự án nâng cao năng suất chất lượng, đến nay có 45 dự án đã hoàn thành; hỗ trợ 08 doanh nghiệp về tiêu chuẩn, hợp chuẩn, hợp quy; 04 lượt doanh nghiệp tham dự và đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia, quốc tế.

<sup>7</sup> Tính đến nay, 24 nhãn hiệu đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận độc quyền, (trong đó có 15 Nhãn hiệu chứng nhận, 09 Nhãn hiệu tập thể); 03 thương hiệu được bảo hộ độc quyền ở nước ngoài (thương hiệu “Rau Đà Lạt” tại thị trường Trung Quốc và Singapore; “Trà B’Lao” tại Trung Quốc và Nhật Bản, “Sầu riêng Đa Huoai” tại Trung Quốc).

hội thảo, triển lãm khoa học. Tổ chức các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế về ứng dụng KH - CN trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước nhằm giới thiệu các kết quả nghiên cứu quan trọng ứng dụng trong thực tiễn địa phương <sup>(8)</sup>.

Hàng năm tổ chức các đoàn tham gia các hội thảo khoa học trọng điểm do các viện nghiên cứu, trường đại học uy tín tổ chức trong nước; trao đổi, chia sẻ các thông tin, kinh nghiệm trong hoạt động quản lý nhà nước và hợp tác về các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đồng thời cử cán bộ tham gia đoàn công tác làm việc với các nước như: Hàn Quốc, Trung Quốc, Đức, Bỉ, Úc.... Qua đó giúp cơ quan quản lý và các địa phương tiếp cận những tiến bộ KH - CN mới từ các nước tiên tiến để giải quyết những vấn đề khó khăn trong sản xuất và đời sống...<sup>9</sup>.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Những mặt đạt được**

Qua 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), gắn với triển khai Kết luận số 50-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XI), việc phát triển KH - CN trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Nhận thức của các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp về các quy định của pháp luật liên quan đến KH - CN được nâng lên; các tổ chức, cá nhân mạnh dạn đổi mới công nghệ và ứng dụng vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác quản lý hoạt động KH - CN từng bước được đổi mới phù hợp với yêu cầu thực tế và góp phần đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật; nâng cao năng suất, chất lượng giá trị sản phẩm và thu nhập của người dân; đưa KH - CN trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh; có hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện; quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; hạn chế thiệt hại do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái.

Một số đề tài, sáng kiến, kinh nghiệm được phổ biến, nhân rộng, triển khai thực hiện và đã đem lại những hiệu quả thiết thực; nâng cao tinh thần đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp cho toàn xã hội.

<sup>8</sup> Hội thảo: “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao tỉnh Lâm Đồng” và “Hợp tác KH&CN và Phát triển bền vững Tây Nguyên - Việt Nam 2014”; Hội thảo quốc tế phát triển sâm Việt Nam lần thứ I; Hội thảo quốc gia về Kinh tế tư nhân vùng Tây Nguyên hiện nay: Rào cản và giải pháp; Hội thảo cấp tỉnh về công bố kết quả nghiên cứu về loài Sâm *Panax sp* tại Lâm Đồng.

<sup>9</sup> Tổ chức đoàn nghiên cứu học tập tại Hàn Quốc về sản xuất NNCNC; xử lý chất thải tại Cộng hòa Liên bang Đức; nghiên cứu công nghệ sản xuất rau, hoa tại Bỉ; tham gia đoàn công tác của Bộ KH&CN về lĩnh vực sở hữu trí tuệ và học tập tại Úc, Phần Lan, hợp tác với Trường Đại học Chung Nam Hàn Quốc để triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh về “Nghiên cứu giải pháp phòng trừ tổng hợp bệnh thối rễ, vàng lá cà phê ở Lâm Đồng”.

Nguồn lực đầu tư cho KH - CN ngày càng được tăng cường, góp phần đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KH - CN vào sản xuất; tập hợp và phát huy sức sáng tạo của đội ngũ trí thức KH - CN có trình độ năng lực đề tư vấn, ứng dụng, kiểm soát công nghệ và chất lượng sản phẩm.

## **2. Hạn chế, tồn tại, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm**

### **2.1. Tồn tại, hạn chế**

- Một số cấp ủy, lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước chưa quan tâm đúng mức về hoạt động KH - CN, nhất là trong công tác phối hợp triển khai ứng dụng, nhân rộng kết quả, tiến bộ KH - CN của các đề tài, dự án sau khi kết thúc.

- Cơ chế quản lý nhà nước về KH - CN chưa hoàn thiện, do đó, việc triển khai cụ thể tại địa phương còn gặp nhiều khó khăn. Tiềm lực của các tổ chức KH - CN chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương.

- Hoạt động kết nối cung cầu, chuyển giao công nghệ giữa các doanh nghiệp và cơ quan nghiên cứu KH - CN trong tỉnh chưa nhiều, chưa tạo lập và phát triển được thị trường KH - CN một cách ổn định, bền vững. Kinh phí hỗ trợ cho các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, chuyển giao công nghệ còn thấp, chưa thật sự thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp.

- Thiếu một số nhiệm vụ KH - CN có tính đột phá và có tính liên vùng để có thể triển khai ở quy mô lớn.

### **2.2. Nguyên nhân**

#### *a. Nguyên nhân khách quan*

- Trình độ công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn vốn đầu tư cho phát triển KH - CN cấp cơ sở và của các cơ quan, đơn vị nghiên cứu khoa học công lập còn thấp, chưa đáp ứng với nhu cầu phát triển. Đội ngũ cán bộ có trình độ đại học, trên đại học ngày càng tăng, nhưng số người có trình độ chuyên môn làm công tác nghiên cứu triển khai, ứng dụng KH - CN chưa nhiều.

- Việc nghiên cứu, ứng dụng đồng bộ về công nghệ trong sản xuất chưa được mở rộng, nhất là công nghệ bảo quản sau thu hoạch, hiện mới chỉ tập trung ở một số ít doanh nghiệp có vốn đầu tư, các hộ dân chỉ áp dụng một số công nghệ cơ bản.

- Kinh phí sự nghiệp KH - CN hàng năm còn hạn chế, kinh phí dành cho các đề tài khoa học chưa lớn. Cơ chế tài chính đối với các hoạt động nghiên cứu triển khai chưa thật hấp dẫn cán bộ nghiên cứu khoa học.

#### *b. Nguyên nhân chủ quan*

- Một số cấp ủy, lãnh đạo cơ quan quản lý của Nhà nước chưa thực sự sâu sát trong chỉ đạo hoạt động KH - CN; cơ chế quản lý KH - CN đang trong giai đoạn tiếp tục hoàn thiện; sự gắn kết giữa kế hoạch hoạt động của các ngành, các cấp đối với

công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chưa thường xuyên và đồng bộ.

- Một số sở, ngành, địa phương chưa chủ động trong việc đề xuất đặt hàng những vấn đề cấp thiết cần giải quyết thông qua các nhiệm vụ KH - CN hàng năm. Thiếu những quy định cụ thể về trách nhiệm ứng dụng, nhân rộng của các đơn vị được chuyển giao kết quả nghiên cứu sau nghiệm thu. Nguồn vốn để duy trì và nhân rộng kết quả từ các mô hình nghiên cứu còn hạn chế.

- Hợp tác về KH - CN còn nặng về hình thức, chưa khai thác, hỗ trợ thế mạnh đặc thù giữa các tỉnh, các viện, trường, các sở, ngành trong và ngoài tỉnh.

### **2.3. Bài học kinh nghiệm**

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Kết luận một cách thường xuyên, nghiêm túc; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá toàn diện, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân về KH - CN, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong nghiên cứu và ứng dụng KH - CN vào thực tiễn.

- Chú trọng ưu tiên xác định lựa chọn các đề tài mang tính thực tiễn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Nâng cao công tác phối hợp giữa cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài với các đơn vị được áp dụng kết quả nghiên cứu; kịp thời bố trí nguồn kinh phí để triển khai, nhân rộng sau khi được nghiệm thu.

- Tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia vào các hoạt động trên lĩnh vực KH - CN, đặc biệt là lĩnh vực khoa học ứng dụng. Phát huy hơn nữa vai trò của Hội đồng KH - CN trong việc tư vấn, giám định công nghệ và chất lượng sản phẩm. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ trí thức KH - CN tại địa phương.

### ***Phần thứ hai***

## **NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI**

1. Triển khai thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển KH - CN và đổi mới sáng tạo; phát triển toàn diện các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ gắn với chuyển giao, ứng dụng các thành tựu KH - CN vào phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và con người của tỉnh.

2. Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào phát triển kinh tế - xã hội, quản lý điều hành các ngành, các cấp; thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào khu công nghệ thông tin tập trung để triển khai dự án nghiên cứu, sản xuất công nghệ phần mềm.

3. Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ theo hướng đồng bộ, hiện đại gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp; xây dựng nền nông nghiệp hàng

hóa lớn, hiệu quả và sức cạnh tranh cao, trọng tâm là phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; xây dựng các mô hình nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ; áp dụng các tiêu chuẩn GlobalGap, UTZ, Rainforest, Organic; ứng dụng công nghệ IoT trong quản lý chuỗi liên kết sản xuất, quản lý quy trình sản xuất; xây dựng bigdata ngành nông nghiệp.

4. Nghiên cứu phát triển các sản phẩm, mô hình du lịch mới, đặc thù phù hợp với điều kiện và thế mạnh phát triển du lịch của từng địa phương trong tỉnh như: Du lịch gắn với sản xuất nông nghiệp, du lịch thông minh gắn với kinh tế số. Nâng cao hiệu quả ứng dụng KH - CN, khuyến khích giáo viên, học sinh, sinh viên sáng tạo, phát triển các đề tài nghiên cứu khoa học gắn hoạt động ứng dụng KH - CN vào hoạt động đổi mới công tác quản lý, giáo dục, phương pháp dạy học,... tham gia các cuộc thi cấp quốc gia, quốc tế về lĩnh vực KH - CN.

5. Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về KH - CN theo hướng tinh gọn, tập trung, hiệu quả. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ làm công tác KH - CN nhằm nâng cao hơn nữa về trình độ, khả năng tiếp thu, chuyển giao khoa học kỹ thuật, áp dụng các công nghệ vào thực tế tại địa phương.

6. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, áp dụng quy trình quản lý, vận hành tiên tiến, sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất; hạn chế những ngành phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, tạo điều kiện phát triển các ngành sản xuất xanh mới... tại các khu công nghiệp.

7. Nghiên cứu rà soát, sửa đổi quy định về quản lý nhiệm vụ KH - CN các cấp theo hướng nâng cao chất lượng đặt hàng, xác định rõ nguồn kinh phí, định mức chi, các thủ tục thanh quyết toán và thẩm quyền quyết định tạo điều kiện cho các sở, ngành, các huyện, thành phố chủ động triển khai các nhiệm vụ KH&CN phục vụ mục tiêu phát triển của ngành, địa phương.

8. Đầu tư ngân sách tăng dần tỉ lệ hàng năm cho KH - CN và đổi mới sáng tạo từ các nguồn vốn chi sự nghiệp KH - CN, chi đầu tư phát triển. Đến năm 2025, tổng đầu tư cho KH - CN và đổi mới sáng tạo đạt từ 1-1,5% tổng chi ngân sách địa phương.

9. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch 5472/KH-UBND, ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh.

10. Đẩy mạnh triển khai Quyết định số 1365/QĐ-UBND, ngày 05/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án “*Xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành thành phố thông minh giai đoạn 2018 - 2025*” triển khai trên 09 lĩnh vực: Chính quyền số, quy hoạch đô thị, du lịch thông minh, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, thành phố an toàn, y tế thông minh, giáo dục thông minh và môi trường.

11. Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội trong hoạt động KH&CN. Nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 trong các cơ quan HCNN. Tổ chức các cuộc thi, hội thi, giải thưởng về KH&CN, Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng, Hội thi Tin học trẻ tỉnh Lâm Đồng. Khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tham dự Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

12. Tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông về vai trò của KH - CN và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các mục tiêu phát triển của từng ngành, địa phương, nhận thức được cơ hội và thách thức trước các xu thế quốc tế, nhất là xu thế hội nhập và phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số.

13. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham dự các chương trình, dự án KH - CN sử dụng một phần kinh phí ngân sách nhà nước. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, hệ thống quản lý, quản trị tiên tiến, áp dụng các công cụ nâng cao năng suất, chất lượng; xây dựng hệ thống chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm chủ lực thông qua triển khai các Chương trình, Đề án: *“Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”*; *“Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế”*; *“Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa”*.

14. Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư phát triển nông nghiệp thông minh và nông nghiệp hữu cơ. Hỗ trợ hình thành các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc thành đô thị thông minh, là trung tâm sáng tạo đổi mới. Đẩy mạnh khởi nghiệp sáng tạo. Nâng cao hiệu quả hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng, hoạt động sở hữu trí tuệ,...

### ***Phần thứ ba***

## **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ:**

- Tập huấn hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình đảm bảo đo lường tại doanh nghiệp cho các địa phương; đồng thời ban hành định mức hỗ trợ cụ thể cho các doanh nghiệp theo Quyết định 510/QĐ-BKH&CN ngày 17/3/2021.

- Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 21/2019/TT-BKH&CN ngày 18/12/2019.

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan sớm ban hành các văn bản hướng dẫn về kinh phí, cách thức triển khai Đề án truy xuất nguồn gốc để tỉnh có căn cứ triển khai thực hiện; ban hành mức chi cụ thể trong việc hỗ trợ doanh nghiệp về năng

suất chất lượng và đơn giản hoá thủ tục để tạo điều kiện thuận lợi hơn trong quá trình triển khai, thực hiện.

- Hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ 4.0 trong xây dựng sàn giao dịch công nghệ (techmart ảo); số hóa cơ sở dữ liệu các nông sản chủ lực của tỉnh; Hỗ trợ địa phương thực hiện đăng ký bảo hộ ở nước ngoài đối với nhãn hiệu chứng nhận “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” tại các quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Singapore...; xây dựng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê, chè Lâm Đồng.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT2.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Trần Đình Văn**

24  
**PHỤ LỤC BÁO CÁO**  
---

**Phụ lục 1: HỆ THỐNG VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN  
NGHỊ QUYẾT SỐ 20-NQ/TW VÀ KẾT LUẬN SỐ 50-KL/TW**

<b>TT</b>	<b>Loại văn bản</b>	<b>Số, ký hiệu, ngày, tháng ban hành</b>	<b>Trích yếu</b>	<b>Cơ quan ban hành</b>
<b>I</b>	<b>Giai đoạn 2012– 2016</b>			
1	Kế hoạch	65/KH-TU ngày 19/02/2013	Triển khai Triển khai Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của BCH TW đảng (khóa XI) về “phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”	Tỉnh ủy
2	Quyết định	42/2015/QĐ-UBND ngày 18/5/2015	Quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN tỉnh Lâm Đồng	UBND tỉnh
3	Quyết định	225/QĐ-UBND ngày 04/02/2016	Phê duyệt dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020”	UBND tỉnh
4	Quyết định	2323/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	Phê duyệt Chương trình hỗ trợ về khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 – 2020	UBND tỉnh
5	Quyết định	46/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016	Ban hành định mức chi đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước tại tỉnh Lâm Đồng	UBND tỉnh
<b>II</b>	<b>Giai đoạn 2017 – 2021</b>			
6	Kế hoạch	145/KH-UBND ngày 10/01/2017	Thực hiện Kế hoạch số 65-KH/TU ngày 19/02/2013 của Tỉnh ủy Lâm Đồng triển khai Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế	UBND tỉnh
7	Nghị quyết	09-NQ/TU ngày 18/4/2017	Đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng	Tỉnh ủy
8	Quyết định	740/QĐ-UBND ngày 18/4/2017	Ban hành Đề án hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020	UBND tỉnh
9	Kế hoạch	6324/KH-UBND ngày 22/9/2017	Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020	UBND tỉnh
10	Kế hoạch	4478/KH-UBND ngày 13/7/2017	Triển khai các biện pháp thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg	UBND tỉnh
11	Kế hoạch	101-KH/TU ngày 03/9/2019	Thực hiện Kết luận số 50/KL-TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí Thư Trung ương Đảng Khóa XII “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 Khóa XI về phát triển khoa học	Tỉnh ủy



<b>TT</b>	<b>Loại văn bản</b>	<b>Số, ký hiệu, ngày, tháng ban hành</b>	<b>Trích yếu</b>	<b>Cơ quan ban hành</b>
			và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”	
12	Kế hoạch	7886/KH-UBND ngày 03/12/2019	Thực hiện Kế hoạch số 101-KH/TU ngày 03/9/2019 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc thực hiện Kết luận số 50/KL-TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí Thư Trung ương Đảng Khóa XII “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 Khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”	UBND tỉnh
13	Kế hoạch	1819/KH-UBND ngày 02/4/2019	Thực hiện Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”	UBND tỉnh
14	Quyết định	635/QĐ-UBND ngày 22/3/2019	Phê duyệt đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025	UBND tỉnh
15	Quyết định	30/2019/QĐ-UBND ngày 09/7/2019	Quy định quản lý các nhiệm vụ KH&CN tỉnh Lâm Đồng	UBND tỉnh
16	Kế hoạch	119-KH/TU ngày 21/01/2020	Triển khai Nghị quyết số 52/NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030	Tỉnh ủy
17	Kế hoạch	5472/KH-UBND ngày 24/6/2020	Thực hiện Kế hoạch số 119/KH-TU ngày 21/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai Nghị quyết số 52/NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030	UBND tỉnh
18	Kế hoạch	5267/KH-UBND ngày 15/6/2020	Thực hiện Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 phê duyệt Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	UBND tỉnh
19	Kế hoạch	1733/KH-UBND ngày 26/3/2020	Thực hiện Kết luận số 52-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	UBND tỉnh
20	Kế hoạch	1015/KH-SKHCN ngày 21/9/2021	Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021 -2025	Sở KH&CN

**Phụ lục 2: THỐNG KÊ VỀ NHÂN LỰC VÀ CÁC TỔ CHỨC KH&CN GIAI ĐOẠN 2012 - 2021**

TT	Lĩnh vực tham gia	Tổng số lượng	Trong đó		
			Các Sở, ngành	Các Viện/ Trường/ TTNC	Địa phương
<b>1</b>	<b>Y dược</b>	<b>35</b>	<b>16</b>	<b>5</b>	<b>14</b>
	<i>Tiến sĩ</i>				
	<i>Thạc sĩ</i>	35	16	5	14
<b>2</b>	<b>Nông nghiệp</b>	<b>171</b>	<b>46</b>	<b>62</b>	<b>63</b>
	<i>Tiến sĩ</i>	31	10	12	9
	<i>Thạc sĩ</i>	140	36	50	54
<b>3</b>	<b>Môi trường</b>	<b>148</b>	<b>76</b>	<b>24</b>	<b>48</b>
	<i>Tiến sĩ</i>	19	7	6	6
	<i>Thạc sĩ</i>	129	69	18	42
<b>4</b>	<b>QL-XHNV</b>	<b>298</b>	<b>136</b>	<b>13</b>	<b>149</b>
	<i>Tiến sĩ</i>	10	6		4
	<i>Thạc sĩ</i>	288	130	13	145
<b>5</b>	<b>Khác</b>	<b>830</b>	<b>413</b>	<b>145</b>	<b>272</b>
	<i>Tiến sĩ</i>	33	9	13	11
	<i>Thạc sĩ</i>	652	339	113	200
	<i>Khác</i>	145	65	19	61
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.482</b>	<b>687</b>	<b>249</b>	<b>546</b>

**Phụ lục 3: DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2012– 2021  
VÀ CÁC KẾT QUẢ NỔI BẬT**

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú (kết quả nổi bật)
1	Xây dựng mô hình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh vật từ bã thải trồng nấm, phế thải chăn nuôi và trồng trọt tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Nhân Tâm	8/2011-8/2013	Đã chuyển giao 3 quy trình công nghệ: công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh vật (mật độ vi sinh vật tạo ra trong quá trình lên men chìm đạt $10^8 - 10^9$ CFU/ml, lên men bề mặt đạt $10^8$ CFU/gr), công nghệ xử lý nguyên liệu hữu cơ bằng chế phẩm vi sinh vật, công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh vật; sản xuất được 01 tấn chế phẩm vi sinh vật với mật độ vi sinh vật hữu hiệu đạt $10^7 - 10^8$ CFU/gr, thời gian bảo quản > 3 tháng, 500 tấn hữu cơ vi sinh với mật độ vi sinh vật hữu hiệu mỗi chủng đạt > $10^6$ CFU/gr, thời gian bảo quản 6 tháng; xây dựng 03 mô hình sử dụng phân hữu cơ vi sinh cho một số cây trồng với quy mô 01 ha/mô hình: cà phê, chè, rau; đào tạo 20 kỹ thuật viên, tập huấn cho 500 lượt hộ dân.
2	Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao công nghệ để phát triển bền vững nghề trồng dâu nuôi tằm ở huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng	Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà	8/2011-6/2014	Đã hoàn thiện và chuyển giao 10 quy trình trồng dâu, nuôi tằm, phòng trị sâu bệnh hại, sấy và bảo quản kén phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Xây dựng 02 mô hình trồng mới và cải tạo vườn dâu, 06 mô hình nuôi tằm hiệu quả kinh tế cao hơn 22%, 01 mô hình nuôi tằm lấy kén ươm, kén đạt tiêu chuẩn ươm trên 96% và 01 mô hình liên kết từ sản xuất dâu, nuôi tằm đến tiêu thụ trứng với quy mô 60 ha dâu, 6000 hộp trứng tằm và 1 nhà ươm. Đào tạo 16 kỹ thuật viên nắm vững và ứng dụng thành thạo quy trình kỹ thuật, tập huấn 6 lớp cho 300 lượt nông dân với trên 90% nắm vững và ứng dụng thành thạo quy trình. Dự án góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm của ngành trồng dâu nuôi tằm của huyện Lâm Hà, bước đầu hình thành mối liên kết từ sản xuất dâu, nuôi tằm đến tiêu thụ trứng cho các hộ sản xuất trong huyện, thu nhập của nông dân tăng gấp 2 lần so với trước khi thực hiện dự án và hướng đến sản xuất nông nghiệp sạch, thân thiện với môi trường. Nhận thức của người nông dân cũng như đội ngũ cán bộ kỹ thuật địa phương trong việc ứng dụng KH&CN vào sản xuất dâu tằm được nâng lên rõ rệt thông qua các lớp tập huấn, chuyển giao quy trình công nghệ và các mô hình thực tiễn.

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú (kết quả nổi bật)
3	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật sản xuất nấm dược liệu quý và nấm ăn quy mô công nghiệp tại xã Đam Bri, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Nấm Thuận Thái	7/2012-6/2024	Đã tiếp nhận 15 quy trình công nghệ nuôi trồng các loại nấm: ngọc châm, kim châm, đầu khi, linh chi..., công nghệ bảo quản, chế biến và xử lý sau thu hoạch. Xây dựng 05 mô hình sản xuất giống nấm, nuôi trồng nấm tập trung, sơ chế, xử lý bã thải, 07 mô hình sản xuất nấm phân tán trong dân mang lại hiệu quả kinh tế. Sản xuất 500 ống giống nấm cấp I, 1.500 chai giống nấm cấp II, 30.000 kg giống nấm cấp III; 400 tấn nấm tươi, 15 tấn nấm sấy khô; xử lý phế thải sau thu hoạch 50 tấn; đào tạo 14 kỹ thuật viên; doanh nghiệp tự đầu tư trang trại nấm ~1 ha (khoảng > 4 tỷ đồng) và đạt hiệu quả cao. Dự án tạo việc làm cho 50 lao động nông thôn với mức thu nhập từ 2,7 – 4,5 triệu đồng/tháng
4	Áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong trồng và sản xuất meo giống một số loại nấm ăn, nấm làm thuốc tại huyện Đơn Dương tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Ngọc Yến Minh	4/2011-11/2013	Đã xây dựng 20 nhà nuôi trồng nấm tập trung mức công nghệ cao, với diện tích 4.500 m <sup>2</sup> , 12 nhà nấm phân tán với diện tích 3.000 m <sup>2</sup> , chuyển giao 9 quy trình công nghệ; Dự án đã sản xuất 900.000 bịch phôi, sản xuất 591,327 tấn nấm bào ngư, 15,1 tấn nấm mèo khô và trên 11 tấn nấm các loại khác; đào tạo 8 kỹ thuật viên, tập huấn cho 270 lượt nông dân trong vùng. Cơ quan chủ trì đã tự đầu tư đối ứng hơn 3,5 tỷ đồng, tạo sức lan tỏa cho vùng nấm Đơn Dương với việc đăng ký nhãn hiệu tập thể “Nấm Bào ngư Đơn Dương”. Đây là mô hình đạt hiệu quả cao và được lãnh đạo huyện rất quan tâm và hỗ trợ.
5	Xây dựng mô hình phát triển vùng nguyên liệu cây ca cao tại huyện Đam Rông tỉnh Lâm Đồng	Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng	4/2011-9/2014	Đã bổ sung và hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh ca cao và trồng xen dưới tán vườn điều, hoàn thiện quy trình kỹ thuật thu hái, sơ chế và bảo quản ca cao; xây dựng mô hình trồng ca cao xen điều 30 ha, trồng ca cao thuần 10 ha, đào tạo 10 kỹ thuật viên, tập huấn kỹ thuật cho 751 nông dân trong vùng dự án. Thời điểm thu hoạch vụ bói đầu tiên đạt kết quả khá tốt, từ 12 – 13 kg trái tươi được 1 kg hạt khô sau lên men.
6	Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng và phát triển mô hình sản xuất cà phê bền vững tại huyện Lâm Hà - tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Trần Thành	9/2013-9/2016	Đã xây dựng mô hình vườn nhân chồi giống cà phê vối mới với 50.000 cây, cây sinh trưởng tốt và đã cho thu hoạch 150.000 chồi; Mô hình vườn sản xuất hạt lai đa dòng với 1.100 cây giống sinh trưởng tốt; Mô hình vườn sản xuất hạt giống cà phê chè mới với 4.500 cây phát triển tốt; Mô hình ghép cải tạo vườn cà phê giống cũ quy mô 10 ha/ 10 xã với mục tiêu 3,5 tấn nhân/ha/năm; Mô hình quản lý mùa vụ tổng hợp quy mô 10 ha/ 10 xã với mục tiêu 4 tấn nhân/ha/năm. Dự án

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú (kết quả nổi bật)
				đã nhận chuyển giao 09 quy trình kỹ thuật, đào tạo 20 kỹ thuật viên, đang tiến hành tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân
7	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong xây dựng mô hình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số xã Đồng Nai Thượng, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng	Trung tâm Phân tích và chứng nhận chất lượng Lâm Đồng	5/2013-4/2015	Đã xây dựng các mô hình: trồng lúa nước năng suất từ 48,7 – 50,5 tạ/ha, tăng 162 – 166%; cải tạo vườn điều cũ năng suất đạt 12,3 tạ/ha, tăng 150% về năng suất so với các hộ không tham gia mô hình; trồng mới cà phê, trồng xen cà phê trong vườn điều phát triển tốt với quy mô 3,5 ha; trồng bơ tại vườn cà phê quy mô 5,2 ha, cây phát triển khá tốt; trồng dứa xen dưới tán điều quy mô 01 ha, cây phát triển khá; trồng cam canh quy mô 01 ha, cây phát triển khá. Dự án đã chuyển giao 05 quy trình kỹ thuật, đào tạo 10 kỹ thuật viên, tập huấn cho 480 lượt người.
8	Ứng dụng các quy trình kỹ thuật nhằm xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt cao sản tại tỉnh Lâm Đồng	Trung tâm Ứng dụng KH&CN Lâm Đồng	12/2016-12/2019	Đã xây dựng được các mô hình chăn nuôi bò lai hướng thịt chất lượng cao, mô hình trồng cỏ phân tán với khoảng 1.100 tấn cỏ/3,6 ha/ năm tại các huyện Cát Tiên, Đức Trọng, Lâm Hà, Đơn Dương, các mô hình đã áp dụng những quy trình kỹ thuật được chuyển giao từ Viện KHKT Nông lâm nghiệp Tây Nguyên: Chăn nuôi bò lai hướng thịt chất lượng cao, Trồng và sử dụng các giống cỏ chăn nuôi, Chế biến phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho bò, vỗ béo bò thịt, vệ sinh chuồng trại và xử lý môi trường chăn nuôi, từ các mô hình của dự án đến nay đã sinh được 17 bê con. Ngoài ra đào tạo được 06 kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn kỹ thuật cho 100 lượt nông dân tham gia dự án.
9	Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới để phát triển bền vững ngành trồng dâu nuôi tằm tại huyện Đạ Tẻh tỉnh Lâm Đồng	Phòng Nông nghiệp huyện Đạ Tẻh	7/2017-6/2020	Sản phẩm dự án là các quy trình trồng dâu, nuôi tằm tiên tiến phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội huyện Đạ Tẻh, cụ thể như là:; Mô hình hộ gia đình trồng các giống dâu mới đạt năng suất 25 tấn/ha/năm; Mô hình nuôi tằm con tập trung, đảm bảo cung cấp đủ tằm con chất lượng tốt theo yêu cầu của người nuôi trong toàn huyện; Mô hình nuôi tằm lớn nuôi trên khay hoặc trên nền nhà đạt năng suất 40kh/hộp, đủ tiêu chuẩn cho ươm tơ tự động; Mô hình hợp tác liên kết giữa hộ gia đình, tổ hợp tác/ hợp tác xã trồng dâu nuôi tằm và doanh nghiệp chế biến tiêu thụ sản phẩm; đào tạo 12 kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn cho 300 lượt người tham gia.
10	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất giống và trồng cây	Vườn Quốc gia BiDuop-Núi Bà	12/2018-11/2021	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất giống và trồng cây Magic-S tại vùng đệm Khu dự trữ sinh quyển thế giới Langbiang, dự kiến sẽ cung cấp khoảng 50000 cây giống Magic-S/năm; Xây dựng 1,5 ha vườn trồng

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú (kết quả nổi bật)
	Magic-S (Cyphomandra betacea) tại vùng đệm Khu dự trữ sinh quyển thế giới Langbiang			thuần loài Magic-S cho các hộ tham gia nhận bảo vệ rừng tại Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà hoặc tại các Ban quản lý rừng thuộc vùng đệm KDTSQ Langbiang; Xây dựng được 0,5 ha vườn trồng xen (hỗn giao) Magic-S trong vườn cà phê và 0,5 ha vườn trồng xen (hỗn giao) Magic-S dưới tán rừng gần với du lịch canh nông; Ngoài ra, đào tạo cho 10 kỹ thuật viên về kỹ thuật trồng, chăm sóc, nhân giống, tía cành, quản lý vật hại, bảo quản và chế biến....., tập huấn cho 100 lượt nông dân về các kỹ thuật trồng Magic-S, kỹ thuật chăm sóc, thu hoạch, chế biến, bảo quản. Dự án khai thác được tiềm năng tự nhiên độc đáo của khu vực, giúp nâng cao thu nhập và tạo sinh kế bền vững cho người dân, góp phần phát triển kinh tế xã hội của khu vực, giảm tác động của nhà kính, nhà lưới lên cảnh quan sinh thái.
11	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng và vận hành chuỗi rau, củ, quả trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018-2020	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Lâm Đồng	12/2018-11/2021	với mục tiêu của dự án là sẽ xây dựng 11 mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất rau, củ, quả an toàn đạt chứng nhận VietGAP; Xây dựng Chuỗi liên kết sản xuất rau, củ, quả an toàn thực phẩm; Xây dựng 04 loại sổ tay quản lý chất lượng cho 04 loại sản phẩm rau, củ, quả, cụ thể: cà chua, ớt ngọt, dâu tây và xả lách; Xây dựng Trung tâm sau thu hoạch: xưởng sơ chế, đóng gói các sản phẩm rau củ quả được đầu tư trang bị một số thiết bị tiên tiến, hiện đại, được chứng nhận HACCP để thực hiện việc sơ chế, chế biến rau, củ, quả phải có nơi sơ chế, chế biến nhằm để tiếp nhận tất cả sản phẩm rau, củ quả của mô hình thực hiện các bước sơ chế, chế biến, phân loại đóng gói trước khi đưa ra thị trường. Trung tâm này được tổ chức chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn HACCP; Ngoài ra dự án sẽ đào tạo được 10 kỹ thuật viên và tập huấn kỹ thuật cho 100 lượt nông dân.
12	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong trồng một số loài trà hoa vàng (Camellia .spp) phục vụ sản xuất trà túi lọc ở Lâm Đồng	Trung Tâm Ứng dụng KH&CN Lâm Đồng	01/2020-12/2022	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong trồng một số loài trà hoa vàng góp phần cung cấp nguồn cây giống trà hoa vàng thuần chủng cho người dân trên địa bàn Lâm Đồng nói riêng và cả nước nói chung, cung cấp nguồn dược liệu quý, thu nhập ổn định cho nông dân. Qua dự án, hàng trăm lượt hộ nông dân được tiếp cận với kỹ thuật nhân giống, trồng cây dược liệu quý, hình thành cơ sở sản xuất trà túi lọc thu mua lại sản phẩm của người dân, góp phần chăm sóc sức khỏe cộng đồng, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho nông dân, góp phần ổn định xã hội cho vùng nông nghiệp nông thôn. Ngoài ra, các lớp tập huấn của

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú (kết quả nổi bật)
				dự án giúp phổ biến kiến thức về khoa học kỹ thuật trong sản xuất, làm nâng cao hiệu quả kinh tế và đời sống của người dân và ổn định chính trị - xã hội.
13	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất giống cá Tầm Nga (Acipenser gueldenstaedtii Brandt, 1833) và cá Tầm Siberi (Acipenser baeri Brandt, 1869) tại tỉnh Lâm Đồng.	Công ty TNHH Cavitar	4/2019-10/2022	Mục tiêu là tạo ra sản phẩm cá tầm Nga và Xi-bê-ri giống có chất lượng cao, giá thành giảm so với mặt hàng cùng loại xuất khẩu từ nước ngoài. Dự án đã xây dựng mô hình sản xuất giống nhân tạo cá tầm Nga và cá tầm Xi-bê-ri quy mô đàn cá bố mẹ là 1.000 con, dự kiến đạt 1.000.000 con cá bột đảm bảo chất lượng, không bệnh tật vào năm thứ 3 thực hiện dự án và mô hình thứ hai là mô hình ương giống cá tầm Nga và cá tầm Xi-bê-ri từ cá bột lên cá giống. Kết thúc dự án dự kiến đào tạo được 10 kỹ thuật viên thành thạo công nghệ sinh sản nhân tạo cá tầm Nga và cá tầm Xi-bê-ri và công nghệ ương giống cá tầm Nga và cá tầm Xi-bê-ri từ bột lên giống.
14	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất và chế biến chè chất lượng cao phục vụ xuất khẩu tại huyện Bảo Lâm và thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.	Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam	6/2020-5/2023	Xây dựng dự án tạo vùng chè có năng suất cao, chất lượng tốt, an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP để chế biến chè chất lượng cao phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu nâng cao giá trị chè Lâm Đồng, hiệu quả kinh tế cho người sản xuất, được doanh nghiệp tư nhân Phương Nam tiếp nhận, làm chủ quy trình nhân giống bằng phương pháp giâm cành, quy trình trồng mới và thâm canh 03 giống chè Kim Tuyên, Thúy Ngọc và Tứ Quý giai đoạn kiến thiết cơ bản, quy trình thâm canh 02 giống Kim Tuyên, Thúy Ngọc đạt tiêu chuẩn VietGAP, quy trình chế biến chè Ôlong và đồng thời xây dựng các mô hình trồng mới, thâm canh với diện tích trên 50 ha. Bên cạnh đó, dự án dự kiến sẽ đào tạo được 10 kỹ thuật viên và tập huấn cho 300 lượt người dân.
15	Nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ trong xây dựng mô hình liên kết sản xuất nho rượu gắn với chế biến vang nho tại Ninh Thuận và Lâm Đồng	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nha Hồ	11/2018-10/2021	Tuyển chọn được 4 giống nho (gồm 02 giống chế biến rượu vang đỏ là NH02-97, NH02-137 và 02 giống chế biến vang trắng là NH02-37, NH02-66) có tiềm năng năng suất cao và ổn định, sinh trưởng khỏe, chất lượng phù hợp với chế biến vang nho. Đã xây dựng được vườn giống gốc 10 giống nho rượu có triển vọng với diện tích 0,1 ha; xây dựng được vườn nhân giống đôi với 4 giống mới tuyển chọn NH02-97, NH02-137, NH02-37 và NH02-66 để phục vụ cung ứng mắt ghép chất lượng cho sản xuất. Đã xây dựng được quy trình kỹ thuật canh tác cho 4 giống nho mới tuyển chọn NH02-97, NH02-137, NH02-37 và NH02-66 ở vùng truyền thống và vùng gò đồi. Đã xây dựng được 5,04 ha mô hình trồng 4 giống nho

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú (kết quả nổi bật)
				rượu có triển vọng NH02-97, NH02-137, NH02-37 và NH02-66 tại 2 vùng sinh thái khác nhau (vùng đất truyền thống và vùng gò đồi). Đã xây dựng và hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất rượu vang đỏ và vang trắng. Đã sản xuất thử nghiệm lô số O rượu vang với 4.120 lít rượu vang đỏ và 1.170 lít rượu vang trắng dựa trên hệ thống dây chuyền thiết bị của Công ty TNHH Vĩnh Tiến; chất lượng rượu vang lô số O đều tương đương hoặc cao hơn so sánh với mẫu rượu đối chứng (Đalat Export đỏ và trắng tương ứng). Sản phẩm được đánh giá cao về chất lượng và phù hợp với các tiêu chuẩn trong nước.
16	Nghiên cứu các giải pháp quản lý tổng hợp phòng trừ bọ xít muỗi ( <i>Helopeltis spp</i> ) gây hại trên một số cây trồng chủ lực tại Lâm Đồng và phụ cận trước ảnh hưởng của biến đổi khí hậu	Viện Bảo vệ Thực vật	12/2019-12/2022	Với mục tiêu là đánh giá được ảnh hưởng của điều kiện khí hậu và hệ thống canh tác đến diễn biến và mức độ gây hại của bọ xít muỗi ở Lâm Đồng và phụ cận, xác định được đặc điểm sinh học, sinh thái học cơ bản của bọ xít muỗi tại Lâm Đồng và phụ cận, đề xuất các giải pháp quản lý tổng hợp bọ xít muỗi có hiệu quả và bền vững và xây dựng được các mô hình áp dụng giải pháp quản lý tổng hợp bọ xít muỗi trên 04 cây trồng chủ lực (điều, bơ, chè và cà phê chè) tại Lâm Đồng và phụ cận.



## Phụ lục 4: DANH MỤC CÁC TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP KH&CN TẠI ĐỊA PHƯƠNG

### I. Tổ chức Khoa học và công nghệ

TT	Loại hình hoạt động	Số lượng	Lĩnh vực hoạt động					
			Giáo dục	Xã hội nhân văn	Nông nghiệp ứng dụng	Tài nguyên và Môi trường	Y dược	Công nghiệp-CNTT
1	Công lập	17		4	7	1	1	4
2	Ngoài công lập	4		2	2			
3	Cơ sở giáo dục	6	3		1	1	1	
4	Cá nhân	7		2	2	1	2	

### II. Doanh nghiệp Khoa học công nghệ

TT	Tên tổ chức/ doanh nghiệp	Địa chỉ liên lạc	Số điện thoại	Lĩnh vực hoạt động	Ghi chú
<b>I</b>					
1	Công ty Cổ phần đầu tư Sâm Ngọc Linh Việt Nam	Khu du lịch Hồ Tuyên Lâm, phường 3, Tp Đà Lạt, Lâm Đồng	0263.3821900	Nông nghiệp	Sản xuất, nuôi cấy Sâm, dược liệu
2	Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật H.Q	72/22 Huỳnh Thúc Kháng, phường 2, Bảo Lộc, Lâm Đồng	0263.3910539	Nông nghiệp	Sản xuất trà túi lọc Diệp hạ Châu, Cát Tiên; sản phẩm sơ chế Diệp hạ Châu
3	Công ty TNHH MTV Vắc xin Pasteur Đà Lạt	18 Lê Hồng Phong, phường 4, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	0263.3836613	Y tế	- Sản xuất kinh doanh vắc xin, sinh phẩm y tế - Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu - Tiêm vắc xin, xét nghiệm, tư vấn khám chữa bệnh
4	Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	18 Ngô Quyền, phường 6, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	0263.3817937	Y tế	Sản xuất tân dược, đông dược; Kinh doanh rượu, nước uống có cồn, nước uống có ga và không ga, nuôi trồng dược liệu
5	Công ty Cổ phần PHAN – SALADBOWL	Thôn Tân Lập, xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	0263.3850456	Nông nghiệp	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
6	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ HDT	14 An Dương Vương, phường 2, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	0263.3817877	CNTT	Sản xuất phần mềm và Website

## Phụ lục 5: DANH MỤC PHÒNG THÍ NGHIỆM, TRUNG TÂM KH&CN TẠI ĐỊA PHƯƠNG

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Quy mô PTN			Sản lượng	Đối tượng nhân cấy
				Số box cấy	CB KT	CN KT		
<b>A</b>	<b>Rau, hoa</b>			<b>480</b>	<b>437</b>	<b>390</b>	<b>72.380.500</b>	
<b>I</b>	<b>Khối các cơ quan nhà nước</b>			<b>62</b>	<b>54</b>	<b>22</b>	<b>2.422.500</b>	
1	Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên	116 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 7, Tp Đà Lạt	02633831056	10	8	2	250.000	Nghiên cứu, giảng dạy, lan các loại, hồng môn, dâu tây, cúc, salem, đồng tiền, cẩm chương...
2	Trung tâm Công nghệ sinh học - Viện Nghiên cứu Hạt nhân	Nguyên Tử Lực, phường 8, Tp Đà Lạt	02633822234	6	5	2	130.000	Địa lan (15.000 cây), phong lan (20.000 cây), lan gấm (15.000 cây), cúc (75.000 cây), chuỗi (5.000 cây)
3	TT NC-NT & CB và cây thuốc	Vạn Thành, phường 5, Tp Đà Lạt	02633825919	1	2	1	-	Cây thuốc
4	Trung tâm NC Khoai tây Rau & Hoa	Thái Phiên, phường 12, Tp Đà Lạt	02633831529	6	7	2	820.000	Khoai tây (300.000 cây), dâu tây (120.000 cây), cúc (400.000 cây)
5	Trung tâm giống và vật tư nông nghiệp	41, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp Đà Lạt	02633822346	8	9	13	658.000	Cúc (20.000 cây), cẩm chương (250.000 cây), salem (50.000 cây), đồng tiền (100.000 cây), Dâu tây (145.000 cây), địa lan (10.000 cây), chanh dây (5.000 cây), hồng môn (1.000 cây), hoa trang trí (83.000)
6	Trường Đại học Đà Lạt	01 Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp Đà Lạt	3822246	5	5	-	2.000	Nghiên cứu , giảng dạy
7	Trung tâm Ứng dụng Khoa học và công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng	35 Trần Hưng Đạo, phường 10, Tp Đà Lạt	3833115	8	6	-	300.000	Cúc (160.000 cây), Hồng môn (1.000 cây), Phúc bồn tử (14.000 cây), Chuối (30.000 cây), lan (95.000 cây)
8	Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	09 Hùng Vương, phường 10, Tp Đà Lạt	918691443	2	1	1	40.000	Cúc

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Quy mô PTN			Sản lượng	Đối tượng nhân cấy
				Số box cấy	CB KT	CN KT		
9	Trường Đại học Yersin	01 Tôn Thất Tùng, phường 7, Tp Đà Lạt	0917846236	4	1	1	100.000	Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, giống khoai,
10	Trường Cao đẳng nghề Đà Lạt	Số 1, Hoàng Văn Thụ, Tp Đà Lạt	0983146448	2	2		2.500	Nghiên cứu, giảng dạy (cúc: 2.000 cây, cẩm chương: 250 cây, đồng tiền: 250 cây)
11	Trường cao đẳng Công nghệ và kinh tế Bảo Lộc	454 Trần Phú, Tp Bảo Lộc	02633863326, 0918815484	6	6		100.000	Lan hồ điệp (100.000 cây)
12	Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Nông lâm nghiệp Lâm Đồng	03 Quang Trung, Tp Bảo Lộc	0263864794, 0933208313	4	2		20.000	Nghiên cứu, hồng môn
<b>II</b>	<b>Doanh nghiệp</b>			<b>352</b>	<b>323</b>	<b>267</b>	<b>51.320.000</b>	
1	Công ty CP Công nghệ sinh học Rừng Hoa Đà Lạt	7/1A, Mai Anh Đào, phường 8, Tp Đà Lạt	02633811491	141	128	142	24.000.000	Cây trang trí (23.290.000 cây), Cúc (150.000 cây), salem (300.000 cây), đồng tiền (260.000 cây)
2	Công ty TNHH CNSH F1	11/33 Trịnh Hoài Đức, p11, Tp Đà Lạt	01212301121	32	86		5.500.000	Salem (340.000 cây), đồng tiền (330.000 cây), cẩm chương (330.000), trang trí (3.000.000 cây)
3	Công ty TNHH Bonnie Farm	Thôn Phát chi, xã Trạm Hành, Tp Đà Lạt	0263838307	40	24	12	2.550.000	Hoa lan hồ điệp (500.000 cây), đồng tiền (900.000 cây), salem (150.000 cây) loa kèn (1.000.000 cây)
4	Công ty Hoa Mặt trời	Ngã Ba Mũi Tàu, Xã Phú Hội, huyện Đức Trọng	0913 818 679	12	2	8	3.000.000	Lan vũ nữ
5	Công ty Quang Nguyên Đà Lạt	77 Vạn Hạnh, phường 8, Tp Đà Lạt	0933240505	30	4	45	3.800.000	Salem (600.000 cây), đồng tiền (200.000 cây), dâu tây (200.000 cây), trang trí (2.800.000 cây)
6	Công ty TNHH Trang trại Langbiang Farm	42 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 7, Tp Đà Lạt	02633821234	7	1	6	2.100.000	Cẩm chương (500.000 cây), địa lan (100.000 cây), dâu tây (300.000 cây), khoai lang (200.000 cây), trang trí (1.000.000 cây)

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Quy mô PTN			Sản lượng	Đối tượng nhân cấy
				Số box cấy	CB KT	CN KT		
7	Công ty Nam An	Số 01, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm	02633879146 , 0908983146	8	2	10	1.050.000	Hoa lan (Địa lan: 450.000 cây, hồ điệp: 300.000 cây, lan rừng: 250.000 cây), sâm ngọc linh (50.000 cây)
8	Công ty Giống Lâm nghiệp Tây Nguyên	Số 60 Hùng Vương, phường 10, Tp Đà Lạt	0386305659	5	5	3	220.000	Salem, Lan, dâu tây
9	Công ty TNHH SP CNSH Bảo Nông	21/1A, QL20, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng	0989 693 631	4	3	1	120.000	Khoai lang, dâu tây
10	Công ty TNHH Báo Đáp	Khu NNCNC Lạc Dương	0933189973	4	1	1	100.000	Cúc (40.000 cây), dâu tây (35.000 cây), salem (25.000 cây)
11	Công Ty Cổ Phần Cây Giống Cao Nguyên (HIVICO)	49/30 Nam Hồ, phường 11, Tp Đà Lạt	0388366705	40	45	23	6.600.000	sao tím (100.000 cây), đồng tiền (500.000 cây), trang trí (6.000.000 cây)
12	Công ty Hùng Tâm	101 Hoàng Diệu, phường 5, Tp Đà Lạt	02633831053	8	2	10	1.000.000	Cúc (100.000 cây), salem (100.000 cây), đồng tiền (200.000 cây), khoai lang (500.000 cây), dâu tây (100.000 cây)
13	Cty TNHH Vương Việt An	280A Trần Phú, Tp Bảo Lộc	0908493049 (0906344235 C.Sương)	1	3	2	100.000	Hoa lan rừng (đang nghiên cứu)
14	Công ty TNHH Himeji	Tổ 1, Thôn Đa Quý, Xã Xuân Thọ, Tp Đà Lạt	0979048777	3	2		-	Nghiên cứu dự án (hoa cúc, cẩm chướng)
15	Công ty TNHH MTV Nông sản Quốc Thái	37/4 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 7, Tp Đà Lạt	0933644792	4	2		110.000	Cúc (80.000 cây), dâu tây (10.000 cây), lan (20.000 cây đang nghiên cứu)
16	Công ty CP Nông nghiệp và du lịch sinh thái Môi trường Xanh	Thôn 3, xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà	02633852119	7	1	4	840.000	Cẩm chướng (190.000 cây), Cúc (100.000 cây), dâu tây (100.000 cây), khoai lang (100.000 cây), địa lan

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Quy mô PTN			Sản lượng	Đối tượng nhân cấy
				Số box cấy	CB KT	CN KT		
								(50.000 cây), khoai tây (100.000 cây), cây trang trí (200.000 cây)
17	Công ty TNHH Vĩnh Tiến	162-164 Phạm Ngọc Thạch, phường 5, Tp Đà Lạt	02633821844	5	10		200.000	Atiso
18	Cty TNHH Hoa Lan Thanh Quang	26/6 Đường 3/4, Phường 3, Tp Đà Lạt	02633821900	1	2		30.000	Sâm Ngọc Linh
<b>III</b>	<b>Các cơ sở tư nhân</b>			<b>66</b>	<b>60</b>	<b>101</b>	<b>18.638.000</b>	
1	Nhà Dòng Phanxixo	Huyền Trân Công chúa, Phường 5, Tp Đà Lạt	02633831142	4		12	5.100.000	Cúc (3.000.000 cây), salem (500.000 cây), sao tím (500.000 cây)
2	Cơ sở cây mô Tuyết Huy	381A/10 NTL, Phường 8, Tp Đà Lạt	0978462503	2	1	8	500.000	cúc
3	Vũ Thị Xuân Thanh	62 Hùng Vương, Phường 10, Tp Đà Lạt	0986159449	4	3		1.200.000	Cúc
4	Cơ sở cây mô Thiên Phú (Ông Hướng)	Thái Phiên, Phường 12, Tp Đà Lạt	0939999061 0979770067	4	10	10	800.000	Cúc
5	Tăng Xuân Cảnh	109/2 Vạn Hạnh, phường 8, Tp Đà Lạt	0912036051	2	4	1	1.000.000	cúc
6	Đỗ Văn Lộc	89 Đào Duy từ, phường 4, Tp Đà Lạt	02633970628	3	4	1	550.000	Cúc (250.000 cây), cẩm chương (100.000 cây), trang trí (200.000 cây)
7	Nguyễn Đăng Hiến	73/35 Nguyễn Hữu Cầu, Thái Phiên, P12, Tp Đà Lạt	02633834699	4	2	6	500.000	Cúc (400.000 cây), khoai tây (100.000 cây)
8	CS giống cây trồng Hải Hiền	46 Thái phiên, Phường 12, Tp Đà Lạt	0922258152	5	1	20	6.000.000	Cúc (3.328.000 cây), ngàn sao (1.336.000), salem (1.336.000)
9	Lê Mai Trung	10/7 Lý Tự Trọng, phường 2, Tp Đà Lạt	01239077814	5	1	6	300.000	Chuối cảnh

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Quy mô PTN			Sản lượng	Đối tượng nhân cấy
				Số box cấy	CB KT	CN KT		
10	Lê Mai Tâm	8/28 Đào Duy Từ, Phường 4, Tp Đà Lạt	0983825293	3	1	6	200.000	Hoa các loại (cắm chướng)
11	Hoàng Thị Hồng Hà	Tổ Thái Hòa, Phường 12, Tp Đà Lạt		2	2	4	150.000	Hoa cúc
12	Trần Phạm Anh Tuấn	06 An Bình, Phường 3, Tp Đà Lạt	0917616761	2	1		140.000	Khoai tây
13	Cơ sở cấy mô Uyên Khanh	Thái Phiên, Phường 12, Tp Đà Lạt	‘0335227306	1	2		120.000	Cúc
14	HTX An Thủy	52/2 Trương Văn Hoàn, phường 9, Tp Đà Lạt	0369994999	10	2	20	869.000	hoa cúc (300.000), địa lan (5.000), dâu tây (4.000), đồng tiền (10.000), cắm chướng (40.000), salem (100.000), lan rừng (300.000), lan gấm (10.000), trang trí (100.000)
15	Vũ Ngọc Tứ	214/41 Mai Anh Đào, phường 8, Tp Đà Lạt	0911667088	2	4	1	100.000	lan rừng
16	Phan thanh Sang	16/1 Hồ Xuân Hương, phường 9, Tp Đà Lạt	907352111	2	2	1	144.000	Nghiên cứu: Lan hồ điệp (70.000 cây), hoa lan khác (30.000 cây)
17	CS Thanh Tú	42/36 Nam Hồ, phường 11, Tp Đà Lạt	0912091378	5	8		30.000	đồng tiền (10.000 cây), khoai tây (10.000 cây), dâu tây (10.000 cây)
18	Đặng Thị Bích Nga	26B Trạng Trình, phường 9, Tp Đà Lạt	0918675183	6	12	5	180.000	Salem (10.000 cây), cúc (60.000 cây), Sao tím (30.000 cây)
19	Cơ sở nuôi cấy mô Vũ Ngọc Tứ	Nguyên Tử Lực, Phường 8, Tp Đà Lạt		1	2		50.000	Cúc (50.000 cây), lan rừng (đang nghiên cứu)
20	Nguyễn Minh Huy	59 An Tôn, phường 5, Tp Đà Lạt	0982050115	3	1	6	605.000	Đồng tiền (300.000 cây), Cắm chướng (300.000 cây), hoa hồng (5.000 cây), khoai lang (đang nghiên cứu)
21	Cơ sở Phạm Đắc Cử	Tổ dân phố Tùng Lâm, Phường 7, Tp Đà Lạt		3	3		20.000	hoa cúc

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Quy mô PTN			Sản lượng	Đối tượng nhân cấy
				Số box cấy	CB KT	CN KT		
<b>B</b>	<b>Nấm</b>			<b>10</b>	<b>12</b>	<b>7</b>	<b>27,8 tấn</b>	
1	Công ty TNHH SX TM Hana	1/5H Lữ Gia, phường 9, Tp Đà Lạt	02633996989	2	2		1,8 tấn	Nấm đông trùng hạ thảo
2	Nguyễn Quang Trí	17B, Nguyễn Siêu, phường 7, Tp Đà Lạt	0909871439	2		4	3 tấn	Nấm mỡ
3	Công ty TNHH Đông Trùng Hạ Thảo Châu Á	Số 10, Hùng Vương, phường 10, Tp Đà Lạt	01663842286	4	6		1 tấn	Nấm đông trùng hạ thảo
4	Công ty CP dược thảo Thiên Phúc chi nhánh Lâm Đồng	84 khu quy hoạch, Yersin, phường 9, Tp Đà Lạt	0838246345	1	2		18 tấn	Nấm đông trùng hạ thảo
5	Công ty TNHH Rau Hoa Song bill	Hoàng Hoa Thám, phường 10, Tp Đà Lạt	0962406969	1	2	3	4 tấn	Nấm đông trùng hạ thảo
	<b>TỔNG CỘNG</b> (56 cơ sở/72.300.500 cây giống và 27,8 tấn nấm)			<b>490</b>	<b>449</b>	<b>397</b>		

**Phụ lục 6: ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN KH&CN GIAI ĐOẠN 2012– 2021**

<b>STT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>KP NS cấp (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Năm 2012	21.672.778.000	
2	Năm 2013	24.068.000.000	
3	Năm 2014	27.339.000.000	
4	Năm 2015	30.394.000.000	
5	Năm 2016	35.785.000.000	
6	Năm 2017	36.117.000.000	
7	Năm 2018	36.288.000.000	
8	Năm 2019	32.440.000.000	
9	Năm 2020	30.520.000.000	
10	Năm 2021	30.000.000.000	
	<b>Tổng</b>	<b>304.523.778.000</b>	



**Phụ lục 7: DANH MỤC CÁC ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN NGHIÊN CỨU VỀ KH&CN; CÁC NHIỆM VỤ KH&CN CÓ KẾT QUẢ NỔI BẬT  
MANG TÍNH ĐỘT PHÁ TRONG ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN KH&CN**

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
<b>I. Lĩnh vực nông nghiệp</b>			
<b>1. Về trồng trọt</b>			
01	Nghiên cứu áp dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm sản xuất cà phê chè bền vững tại Lâm Đồng	Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm NLN Lâm Đồng	2012-2014
02	Nghiên cứu các giải pháp phòng trừ tổng hợp bệnh thối rễ, vàng lá cà phê ở Lâm Đồng	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Lâm Đồng	2014-2017
03	Nghiên cứu xây dựng quy trình canh tác cây bơ theo tiêu chuẩn an toàn VietGap	Trung tâm Nghiên cứu và CGKT CCN và CẢQ Lâm Đồng	2011-2013
04	Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Lâm Đồng	Sở NN&PTNT	2012-2014
05	Sản xuất thử nghiệm cà chua công nghệ cao tại Lâm Đồng	Viện KHKT Nông nghiệp Miền Nam	2010-2012
06	Đánh giá sự phù hợp của cây Cacao đối với vùng sinh thái ở Lâm Đồng	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Lâm Đồng	2014-2017
07	Khảo nghiệm một số giống cây ăn quả ôn đới đặc sản (đào, mận) có nguồn gốc nhập nội tại Đà Lạt, Lạc Dương tỉnh Lâm Đồng	Viện Bảo vệ thực vật	2017-2020
08	Nghiên cứu cải tạo và phát triển một số giống hồng nhập nội bổ sung vào cơ cấu giống hồng tại huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	Viện Bảo vệ thực vật	2015-2018
09	Nghiên cứu phòng trừ bệnh xoắn lá virus hại cà chua tại các vùng trọng điểm của tỉnh Lâm Đồng	Trường Đại học Đà Lạt	2018-2020
10	Nghiên cứu chọn tạo giống khoai tây có năng suất cao, chất lượng tốt, kháng bệnh mốc sương có thể sản xuất quanh năm tại Đà Lạt và vùng phụ cận	Trung tâm Nghiên cứu Khoai tây, Rau và Hoa Đà Lạt	2017-2020
11	Nghiên cứu tuyển chọn bộ giống Artichoke chất lượng cao tại Lâm Đồng	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên	2019-2022
12	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ chế biến sâu quả bơ LD 034 tại Lâm Đồng	Trường Đại học Đà Lạt	2022-2024
13	Đánh giá chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2004-2018	Trường Đại học Đà Lạt	2019-2021
14	Ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại Lâm Đồng	Trường Đại học Công nghiệp TP HCM	2019-2021

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
<b>2. Về chăn nuôi – thủy sản</b>			
15	Nghiên cứu giám định di truyền và đánh giá khả năng phát triển của bò lai F1 giữa bò tót và bò nhà tại vùng rừng giáp ranh tỉnh Ninh Thuận và Lâm Đồng	Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ Lâm Đồng	2012-2014
16	Lai tạo giống bò thịt cao sản thích hợp với điều kiện chăn nuôi tại tỉnh lâm đồng	Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên	2013-2016
17	Ứng dụng kỹ thuật RT-PCR để phát hiện sớm một số bệnh nguy hiểm trên gia súc nhằm nâng cao chất lượng đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam	2012-2014
18	Nghiên cứu qui trình sinh sản nhân tạo giống cá hồi tại Lâm Đồng	Trạm nghiên cứu cá nước lạnh Tây Nguyên	2010-2013
19	Nghiên cứu tác nhân gây bệnh do ký sinh trùng, nấm và vi khuẩn trên cá giống và trứng của cá Hồi và cá Tầm tại Lâm Đồng	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III	2013-2015
20	Nghiên cứu tác nhân gây bệnh là virus trên cá giống của cá Hồi và cá Tầm tại Lâm Đồng	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III	2016-2018
21	Ứng dụng công nghệ “Sông trong ao” của Isarel để xây dựng mô hình nuôi cá tầm thương phẩm thích hợp với điều kiện tỉnh Lâm Đồng	Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung	2022-2024
22	Nghiên cứu phát triển nguồn thức ăn xanh và công thức phối hợp khẩu phần thức ăn phục vụ phát triển chăn nuôi bò thịt cao sản, bò sữa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Viện Khoa học kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên	2016-2018
<b>3. Về lâm nghiệp</b>			
23	Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật gây trồng cây Hoàng Liên Ô rô, Bá bệnh và Đảng sâm dưới tán rừng thông ba lá tại Lâm Đồng	Viện Khoa học kỹ thuật Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	2013-2016
24	Tuyển chọn một số loài cây Thông Caribe, Bạch tùng và Thông năm lá bổ sung tập đoàn cây trồng rừng kinh tế tại Lâm Đồng	Viện Khoa học kỹ thuật Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	2013-2016
<b>II. Lĩnh vực môi trường</b>			
25	Nghiên cứu thực trạng nguồn cấp nước sinh hoạt tại một số vùng trọng điểm dân cư kinh tế 3 huyện phía Nam (Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên) và xây dựng các mô hình xử lý, khắc phục	Viện Nghiên cứu hạt nhân	2010-2012
26	Nghiên cứu đánh giá chất lượng nguồn nước cấp sinh hoạt cho thành phố Đà Lạt, đề xuất các giải pháp kỹ thuật để bảo vệ và phát triển nguồn nước	Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng	2010-2012
27	Nghiên cứu nguồn gốc, khả năng xâm nhiễm của Asen (As) trong nước ở một số vùng của tỉnh Lâm Đồng		2014-2016
28	Nghiên cứu các tai biến địa chất: nứt, sụt đất, trượt lở đất và đề xuất các biện pháp cảnh báo, ngăn ngừa và khắc phục trên địa bàn thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Viện Địa lý tài nguyên TP. HCM	2018-2020

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
29	Xây dựng bản đồ ngập lụt và hệ thống tháp cảnh báo lũ huyện Đa Tềh, hiệu chỉnh bản đồ ngập lụt huyện Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng (Kết hợp xây dựng bản đồ ngập lụt Đạhuoi)	Đài khí tượng thủy văn tỉnh Lâm Đồng	2012-2014
30	Điều tra đánh giá trữ lượng, chất lượng nguồn nước khoáng carbonic Gougah – Đức Trọng và đề xuất các giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý	Công ty TNHH Cao Bình Nguyên	2012-2014
31	Nghiên cứu, điều tra đánh giá trữ lượng, chất lượng nguồn nước khoáng nóng Đa Long và Đa Tông huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; đề xuất giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý	Công ty TNHH Cao Bình Nguyên	2013-2015
32	Đánh giá hiện trạng thoái hóa đất sản xuất rau, hoa tại thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận	Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường phía Nam	2019-2021
33	Nghiên cứu tính toán cân bằng nước và đề xuất giải pháp sử dụng hợp lý nguồn nước phục vụ sản xuất theo hướng cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	Trung tâm Nghiên cứu Thủy nông và Cấp nước	2018-2021
34	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp xây dựng mô hình giảm thiểu tác động bất lợi của các yếu tố môi trường miền Cao Nguyên đến hoạt động quân sự của lực lượng vũ trang tỉnh Lâm Đồng	Viện Công nghệ mới	2015-2016
<b>III. Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn</b>			
<b>1. Về du lịch</b>			
35	Nghiên cứu đánh giá và phát huy sản phẩm du lịch đặc thù nhằm thu hút khách đến Đà Lạt, Lâm Đồng	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng	2014-2016
36	Giải pháp phát triển sản phẩm du lịch thể thao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Trường Đại học Đà Lạt	2015-2016
<b>2. Về các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo</b>			
37	Sưu tầm, bảo tồn và phát huy hoa văn trang trí các dân tộc bản địa tỉnh Lâm Đồng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc hiện nay	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng	2011-2012
38	Đạo Tin Lành và việc ổn định phát triển trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng	Công an Tỉnh Lâm Đồng	2012-2014
39	Phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo trong việc củng cố và tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Học viện chính trị khu vực II	2013-2015
40	Nâng cao vai trò người phụ nữ đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội và gia đình ở các xã đặc biệt khó khăn tỉnh Lâm Đồng	Trường Cán bộ Dân tộc	2015-2016

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
41	Nghiên cứu thực trạng, đề xuất giải pháp giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo đa chiều cho đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020	Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn về Phát triển, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	2017-2018
<b>3. Về quản lý</b>			
42	Đổi mới công tác đánh giá công chức trong cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lâm Đồng	Sở Nội vụ Lâm Đồng	2014-2015
<b>4. Về giáo dục, đào tạo</b>			
43	Nghiên cứu hoạt động tham vấn tâm lý học đường trong các trường trung học ở tỉnh Lâm Đồng	Trường Cao đẳng sư phạm Đà Lạt	2012-2014
44	Hướng nghiệp và dạy nghề cho học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2015-2020	Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng	2013-2015
<b>5. Về y tế, chăm sóc sức khỏe</b>			
45	Đánh giá thực trạng bệnh học đường tại tỉnh lâm đồng và đề xuất các giải pháp khắc phục	Trung tâm y tế dự phòng Lâm Đồng	2011-2012
46	Đo lường chất lượng dịch vụ y tế của các bệnh viện tuyến tỉnh của Lâm Đồng để nâng cao chất lượng phục vụ bệnh nhân	Trường Đại học Đà Lạt	2014-2015
<b>IV. Lĩnh vực công nghiệp - công nghệ thông tin</b>			
47	Nghiên cứu công nghệ và thiết bị sấy Atiso phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu	Trường đại học Nông lâm	2012-2014
48	Nghiên cứu giải pháp công nghệ rút ngắn thời gian sấy và tiết kiệm năng lượng trong sấy gỗ	Trường Đại học Lâm nghiệp - Cơ sở 2	2013-2015
49	Đánh giá trình độ công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh	2017-2018
50	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ địa không gian (GPS, RS, GIS) để nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên thiên nhiên Khu dự trữ sinh quyển thế giới Langbiang, tỉnh Lâm Đồng	Trung tâm Nghiên cứu quốc tế rừng nhiệt đới - Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà	2017-2018
<b>V. Lĩnh vực y dược</b>			
51	Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất cao khô từ lá dâu tằm (Morus alba L.) dùng làm dược liệu	Công ty Ladophar	2017-2019

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
52	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất trà dược liệu túi lọc từ cây lan gấm tại Đà Lạt - Lâm Đồng	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên	2018-2020
53	Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất trà túi lọc lá (theo y học cổ truyền) và đánh giá tác dụng của sản phẩm Húng Chanh	Trường Cao đẳng y tế	2018-2019
54	Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống và nuôi trồng cây Sói rừng ( <i>Sarcandra glabra</i> ) làm dược liệu tại Lâm Đồng	Trung tâm Nghiên cứu quốc tế rừng nhiệt đới - Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà	2019-2021